

LÂM THỂ MÃN
Người dịch: LINH CHI

TINH THẦN VÀ NÉT ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO



NHÀ XUẤT BẢN MÙI CÀ MAU

**TÌNH THẦN
VÀ NÉT ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO**

Nơi xuất bản : TÙNG THƯ TỰ LIỆU VĂN HÓA
PHẬT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG BẮC KINH (Trung Quốc)

LÂM THẾ MÃN

TINH THẦN VÀ NÉT ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO

Người dịch : LINH CHI

NHÀ XUẤT BẢN MŨI CÀ MAU

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đạo Phật xuất hiện trên thế giới có chiều dài lịch sử nhiều ngàn năm và phát triển ở Việt Nam cũng gần hai mươi thế kỷ.

Từ trước đến giờ đã có rất nhiều tài liệu và công trình nghiên cứu để lý giải, tìm hiểu sâu sắc về đạo Phật được công bố và xuất bản. Song, để đáp ứng nhu cầu và sự mong muốn của đông đảo quý độc giả, nhất là các tăng ni Phật tử, Nhà xuất bản Mũi Cà Mau và Tỉnh hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Minh Hải trân trọng giới thiệu cuốn sách "Tinh thần và những nét đặc sắc của Phật giáo" của tác giả Trung Quốc Lâm Thế Mẫn do Tùng thư Tư liệu Văn hóa Phật học phương Đông - Bắc Kinh xuất bản và do Linh Chi dịch ra tiếng Việt.

Với cách diễn đạt súc tích, dễ hiểu và hấp dẫn, tác giả đem đến cho người đọc sự hiểu biết rất cơ bản những tinh túy nổi bật nhất của đạo Phật.

Mặc dù tác giả trình bày thuần túy về Phật giáo, nhưng sau khi đọc xong cuốn sách, chắc rằng quý độc giả sẽ có thể rút ra những điều bổ ích cho cuộc sống của mình từ nội dung của cuốn sách này.

Chúng tôi mong sự lượng thứ của quý độc giả về những điểm còn khiếm khuyết của cuốn sách và rất mong được sự đóng góp ý kiến chân tình để lần tái bản sau hoàn chỉnh hơn.

CHƯƠNG I:

NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO

Nếu đem đạo Phật so sánh với các tôn giáo khác tồn tại hiện nay trên thế giới thì rất rõ ràng là có nhiều sự khác nhau. Để hiểu rõ vấn đề này, xin tổng hợp 10 điểm để chứng minh rằng Phật giáo ít nhất có 10 điểm đặc sắc sau đây:

I/ PHẬT LÀ NGƯỜI KHÔNG PHẢI LÀ MỘT VỊ THẦN LINH:

Nhìn khắp các tôn giáo trên thế giới thì ngoài Phật giáo ra, không có giáo chủ tôn giáo nào lại không tự cho mình là vị thần "siêu nhân". Vị thần này có thể hô phong hoán vũ, biến đá thành vàng, định đoạt mọi họa phúc, lành dữ của loài người, thao túng sống chết, vinh nhục của vạn vật. Con người chỉ có việc khom lưng, tán dương và ca ngợi trước vị thần linh đó, quy tụ mọi thành tựu, mọi vinh quang cho vị thần vạn năng. Những ai tin tưởng vào tài năng của vị thần linh thì được lên thiên đường, kẻ nào chống lại thì bị đọa xuống địa

ngục.

Giáo chủ của Phật giáo là THÍCH CA MÂU NI. Câu nói đầu tiên của Người khi đến với cõi người là *"Trên trời dưới đất chỉ có Ta là tôn qui nhất"*. Điều cần lưu ý là chữ **ta** "tôn qui nhất" không phải là chỉ riêng cho bản thân THÍCH CA MÂU NI mà muốn chỉ từng cá nhân của toàn thể loài người. Nên giải thích chính xác câu này như sau: Con người trong vũ trụ là cao qui nhất, mỗi con người là chúa tể của mình, quyết định số phận của mình chứ không phải do bất cứ người nào hoặc vì *"thần linh"* nào quyết định.

THÍCH CA MÂU NI cho rằng sự giác ngộ, thành tựu của mình hoàn toàn là do sự cố gắng và tài trí của bản thân quyết định. Người cho rằng việc lành dữ, họa phúc, vinh nhục của từng cá nhân là do hành vi thiện ác và do sự cố gắng của bản thân quyết định. Không có một cá nhân nào có thể đưa tôi lên Thiên đường, cũng không có cá nhân nào có thể đẩy tôi xuống địa ngục. Tán dương và ca ngợi ông thần linh nào đó không thể giúp ta thoát được khổ và được an lạc. Chỉ có ta chịu tu tâm dưỡng tính mới có thể làm thăng hoa, thanh tịnh nhân cách của bản thân, khiến mình được an vui hạnh phúc.

THÍCH CA MÂU NI cũng không phải như thầy phù thủy, nhà ảo thuật biến đá thành vàng. Người bảo: *"Ai muốn gặt hái cái gì thì phải vun trồng cái*

ấy". Bản thân Người cũng không thể làm cho cây táo nảy nở ra quả táo ngay, nếu muốn có quả táo thì trước hết phải gieo hạt quả táo.

THÍCH CA MÂU NI chẳng qua chỉ là bảo cho anh cách gieo trồng thế nào để thu hoạch được nhiều quả sau này nhưng việc gieo trồng thì phải tự tay bản thân làm.

Lương Khải Siêu trong bài viết: *"Sự hưng thủ của học vấn"* cũng nêu lên một ví dụ tương tự. Ông viết: *"Mùa đông phơi nắng thực là thoái mái dễ chịu nhưng anh phải tự mình phơi nắng mới được, người khác làm sao mà phơi nắng hộ cho anh được?"*

THÍCH CA MÂU NI thuyết pháp trong 49 năm, tiến hành hơn 300 cuộc họp cũng là để vạch cho chúng ta con đường "THÀNH PHẬT" giúp chúng ta tự sáng tạo ra trí tuệ và nhân cách hết sức hoàn hảo nhưng muốn đi hết con đường ấy thì phải tự mình dựa vào nghị lực, trí tuệ, nhiệt tâm của mình mới được. Vì vậy, Người nói: *"Công việc phải do các người tự làm bởi vì ta chỉ dạy cho các người con đường phải đi thôi."*

"THÀNH PHẬT" không có con đường tắt ngang, tu hành phải bỏ ra công sức. *"Không trải qua mùa đông rét cắt thịt thì làm sao thưởng thức được hoa mai tỏa ngát hương thơm?"*

II/ PHẬT LÀ THỰC SỰ BÌNH ĐẲNG:

Khi nói Phật là bình đẳng thực sự không phải là do tôi tin rồi buột miệng nói ra như vậy. Trước tiên hãy quan sát xem bối cảnh xã hội Ấn độ lúc bấy giờ.

Ở Ấn Độ thời THÍCH CA MÂU NI, xã hội phân chia thành 4 giai cấp lớn là Bà La Môn, quý tộc, thương dân, nô lệ. Thái tử THÍCH CA MÂU NI nhìn thấy sự bất hợp lý của giai cấp xã hội do mà kiên quyết dựng lên lá cờ bình đẳng, chủ trương xóa bỏ sự đối lập giai cấp, để ra mọi người đều bình đẳng với nhau.

Mọi cuộc Cách mạng trên thế giới đều do giai cấp hạ đẳng, thấp hèn yêu cầu được đề cao, đòi được bình đẳng với giai cấp quyền quý, cao sang, tuyệt đối không có người nào như THÍCH CA MÂU NI tự nguyện hạ thấp địa vị Thái tử của mình để cùng bình đẳng với thương dân, nô lệ.

Đồng thời Phật giáo lại chủ trương: "VÔ DUYÊN ĐẠI TỪ" và "ĐỒNG THỂ ĐẠI BI".

1. VÔ DUYÊN ĐẠI TỪ: Phật giáo chủ trương không những phải thương yêu những người có quan hệ với mình như cha mẹ, anh em, họ hàng bè bạn, mà đối với những người không có quan hệ họ hàng, bạn bè cũng phải thương yêu, ngay đối với những người chưa hề tiếp xúc hoặc không quen biết cũng phải thương yêu, săn sóc.

2. ĐẠI BI ĐỒNG THỂ: Thể hiện tinh thần xem

người khác cũng như mình, như thấy người khác đói như mình đói, thấy người khác chìm dưới nước như mình chìm dưới nước, xem mọi chúng sinh trong vũ trụ cùng một thể với mình, như bà con thân thích rồi thương yêu nhau như ruột thịt. Nhà Nho nói: *"Người trong 4 biển đều là anh em"* thể hiện tinh thần "ĐẠI BI ĐỒNG THỂ". Lời nguyên của Bồ Tát Địa Tạng: *"Ta không vào địa ngục thì ai vào"* càng thể hiện rất rõ tinh thần ĐẠI BI ĐỒNG THỂ đó.

Điều mà Phật giáo thể hiện rõ rệt nhất tinh thần *"Bình đẳng thực sự"* là Phật giáo không chỉ bó hẹp khái niệm bình đẳng ở con người là vật thiêng liêng của vạn vật. Phật giáo phản đối luận điệu cho rằng tất cả những động vật ngoài con người ra đều được sinh ra để cho con người ăn cho sướng miệng, khoái dạ dày. Tiếng kêu la thảm thiết, bi thảm của những con vật bị giết thực là thể thảm, không thể chịu đựng được đến mức Mạnh Tử phải thốt lên: *"Nghe tiếng kêu la không nỡ ăn thịt"*.

Phật giáo lại khẳng định thêm một bước: Tất cả những con vật mà loài người tự cho mình là vật thiêng liêng của vạn vật đã sát hại bữa bãi đều có Phật tính, đều có tiềm năng tương lai có thể thành Phật. Cho dù giữa con người và các động vật về hình thể, về trí tuệ tuy có khác nhau nhưng về mặt đòi quyền được tồn tại, về Phật tính thì đều

bình đẳng như nhau. (Như những kẻ hết sức hung ác hoặc hết sức ngu si dốt nát vẫn có nhân tính, chúng ta phải lấy lòng nhân đạo đối xử với chúng, dùng lòng nhân đạo để giáo dục cảm hóa chúng).

Người xưa nói: "Trời có cái đức ham sống" lại nói: "Vạn vật cùng sinh ra với ta..." Đó là tư tưởng bình đẳng, xem vạn vật là cùng một thể tuy rằng không được thấu triệt như Phật giáo.

3/ PHẬT KHÔNG PHẢI SINH RA LÀ ĐÃ BIẾT:

THÍCH CA MÂU NI là một con người bình thường, tên là Tất Đạt Đa, sinh ở Bắc Ấn Độ, thế kỷ 6 trước công nguyên, gần dưới chân dãy núi Hy Mã Lạp Sơn (bây giờ là nước Nê Pan).

Năm lên 19 tuổi, Người chối từ kế vị ngôi vua, ~~quát~~ gia học đạo, đi tìm phương pháp giải thoát đau khổ cho con người. Trải qua nhiều năm đi thăm viếng nhiều nơi và 6 năm tu khổ hạnh, THÍCH CA MÂU NI đã vừa tròn 30 tuổi và chứng được chánh giác dưới cây Bồ đề bên sông Ni Liên thiên giác ngộ một cách chính xác và triệt để đạo lý căn bản của nhân sinh và vũ trụ.

Từ đó trở đi, người ta mới gọi THÍCH CA MÂU NI là Phật Đà, hoặc đơn giản là Phật, nghĩa là người giác ngộ chân lý hoặc đơn giản là "giác giả" (người hiểu biết).

Giới thiệu quá trình tu hành của Phật Đà với

mục đích chủ yếu là để chứng tỏ: THÍCH CA MÂU NI và chúng ta đều là những con người bình thường. Phật Đà nhờ tu hành mà giác ngộ, hiện nay có hàng ngàn hàng vạn người đang bắt chước, dựa vào giáo pháp mà Người đã chỉ ra để tu hành đạt chứng quả. THÍCH CA MÂU NI chỉ là một trong vô số người đã biết trước và giác ngộ trước, còn chúng ta là những kẻ biết sau, giác ngộ sau. Điều khác nhau giữa Phật và chúng ta không phải ở trên nhân cách, trên địa vị mà khác nhau ở chữ "giác" mà thôi. Như Hàn Dũ nói: "*Nghe đạo thì có người nghe trước, người nghe sau*".

4/ PHẬT GIÁO KHÔNG THỪA NHẬN CÓ NHỮNG NGƯỜI YẾU KÉM KHÔNG THỂ GIÁO HÓA ĐƯỢC:

Trên đời có những bậc cha mẹ có con bỏ nhà đi phiêu bạt nhưng họ luôn mở rộng cửa đón con trở về dù đứa con là tên ăn cướp tàn bạo. Từ trước đến nay, chưa có bậc cha mẹ nào lại nhẫn tâm để đứa con của mình mãi mãi sống trong bóng tối, trong cảnh nước sôi lửa bỏng, chịu đau khổ trong địa ngục. Trên thực tế, đứa con phiêu bạt thế nào cũng tìm cơ hội trở về với tổ ấm của mình.

Phật giáo thừa nhận bản tính con người vốn là thiện, chỉ cần ném con dao giết người xuống là lập tức thành Phật. Đức Phật cho rằng người tội phạm thực sự không phải là gây tội ác mà là do không

biết. tất cả mọi tội ác là do "*không biết*" gây nên (*Phật giáo gọi là vô minh*). Vì vậy mà suốt cuộc đời Đức Phật luôn luôn ngày cũng như đêm liên tục chỉ dẫn, kêu gọi cho chúng sinh hiểu rõ sự thật ấy, xem đó là nhiệm vụ của Người.

Đức Phật quan tâm đến chúng sinh như người mẹ thương con chẳng những không cam lòng thấy chúng sinh chịu khổ cực trong địa ngục mà còn phát lời nguyện "*Hễ còn có người trong địa ngục thì không thể thanh Phật cứu độ được tất cả chúng sinh mới chúng bỏ đi*".

(*Bồ đề nghĩa là giác ngộ hoặc "con đường chân chính", chúng bỏ đi nghĩa là đắc đạo hoặc thành Phật*).

Lòng từ bi của Người thật là bao la, mênh mông. Lời nguyện của Người quả thực là xúc động. Như vậy mới là bác ái thực sự, mới là lòng thương xót thực sự.

5/ PHẬT KHÔNG PHẢI LÀ ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ, LÀM NGƯỜI, AI AI CŨNG CÓ THỂ THÀNH PHẬT

Phật chỉ là tên gọi thông thường đối với người đã giác ngộ, như chúng ta gọi giáo sư là những người có khả năng giáo dục, dạy dỗ, giải quyết những nghi hoặc, thắc mắc. Giáo sư chẳng qua là một chức vụ, ai ai cũng có thể làm giáo sư, đâu đâu cũng có thể có giáo sư. Cũng với ý nghĩa như vậy,

Phật không phải chỉ riêng một mình THÍCH CA MAU NI, ai ai cũng có thể thành Phật, nơi nơi đều có thể có Phật, không chỉ riêng thế giới này có Phật mà trên vô vàn hành tinh trong vũ trụ đều có thể có Phật (tất nhiên là cũng có chúng sinh).

Điểm này của Phật giáo khác với các tôn giáo khác. Các tôn giáo khác chỉ thừa nhận vị thần linh của họ là "*độc nhất vô nhị*" và đã kích mạnh mẽ, phủ định "thần của các tôn giáo khác" mà họ cho là "vị thần giả".

Đồng thời, các tôn giáo khác cho rằng dù cho loài người phấn đấu, cố gắng cất lực như thế nào cũng vĩnh viễn không thể sánh vai cùng với vị "thần linh", người và thần không thể bình đẳng với nhau được (mãi mãi chỉ là quan hệ chủ và tớ). Vị thần linh tạo ra muôn vật mà con người cũng chẳng qua là "một vật" mà thần linh tạo ra mà thôi.

6/ PHẬT GIÁO KHÔNG THỪA NHẬN CÓ "VỊ THẦN LINH" TẠO RA VẠN VẬT

Thần linh là sản vật tư tưởng của con người. Loài người dựa vào quan niệm và hình tượng của mình mà tạo ra vị thần. Mà vị thần do loài người sáng tạo ra cũng là nhằm mục đích giải thích sự khởi đầu của vũ trụ con người, nhà Phật gọi đó là "nguyên nhân thứ nhất". Nhưng bản thân vị thần linh từ đâu đến? Những người nêu lên giả thuyết

này chẳng những không chịu đi tìm, truy cứu điều đó mà còn khẳng định chắc chắn rằng vị thần linh là vạn năng, tồn tại một cách tự nhiên!

Hãy tưởng tượng xem nếu quả thật vị thần linh có thể tự bản thân tồn tại, nói một cách khác, vị thần không cần người khác sáng tạo ra mà tự mình tồn tại thì quan điểm cho rằng thần sáng tạo ra vũ trụ và con người còn có ý nghĩa gì nữa? Bởi vì cũng với lý do như vậy, vũ trụ và con người cũng có thể tồn tại một cách tự nhiên. Xin lấy vấn đề số học để giải thích vấn đề này: Ví dụ nguồn gốc con người và vũ trụ là X thì X là gì? Người theo tôn giáo khác thì giải thích như sau: họ không cần dùng định lý nào cả hoặc giả thiết nào đã có mà trực tiếp trả lời như sau: X là thần! Nhưng "thần" từ đâu đến? Xin xem ví dụ sau: $X = \text{thần} = Y$. Những người có biết chút ít về số học đều biết Y cũng là 1 con số chưa biết. Nói một cách khác, vấn đề này chưa được giải đáp.

Phật giáo căn bản phủ định "giả thiết" thần linh sáng tạo ra vạn vật, căn bản không thừa nhận "vũ trụ có cái "bắt đầu" đầu tiên". Cái gọi là cái "bắt đầu" đó chỉ là cái kết thúc của một việc trước đó mà thôi. Trong mối quan hệ nhân quả liên tục, sự mất đi của một sự vật cấu thành nên điều kiện làm nảy sinh sự vật khác.

Tiến sĩ Trương Trung Cơ trong cuốn sách "*Thế nào là Phật pháp*" đã giảng giải vấn đề này như

sau: "Sở dĩ có khái niệm "bắt đầu" là do tâm lý "hạn chế" của con người, khái niệm này không thể chứa đựng trong mối quan hệ nhân quả chẳng chút".

Tỉ dụ ta đi xem một bộ phim gồm 3 tập, phim bắt đầu chiếu từ 7 giờ đến 10 giờ là kết thúc. Đứng là sự bắt đầu của tập 3 bộ phim thực ra là sự kết thúc của tập 2 bộ phim mà sự kết thúc của tập 3 chẳng phải là sự bắt đầu của tập 4 bộ phim hay sao? Sở dĩ nói khái niệm "bắt đầu" là muốn nói đến một sự vật nào đó mới có ý nghĩa. Nhưng khi nói đến toàn bộ vũ trụ có mối quan hệ nhân quả phức tạp, chẳng chút thì không còn ý nghĩa nữa. Thời gian trôi đi không bao giờ dừng, ai lại có thể ngừng thời gian lại, cái gọi là "hiện tại", sau này chẳng lẽ gọi là cái bắt đầu hay sao?

Thực ra, đối với những loại vấn đề không có ích gì đối với đời sống con người (siêu hình) Phật giáo không tỏ ra hứng thú bởi vì vũ trụ là vô thủy, vô chung, nếu đi tìm "nguyên nhân thứ nhất của vũ trụ" thì uổng công vô ích. Khi anh vất vả đi truy tìm nguyên nhân thứ nhất, thì anh sẽ phát hiện thấy rằng trước nguyên nhân thứ nhất lại còn có một "nguyên nhân" nữa, rồi cứ thế mà xoay vần mãi mãi không thôi, anh sẽ vĩnh viễn không tìm ra được một nguyên nhân thứ nhất cố định, bất biến.

Đồng thời, tuổi thọ con người ngắn ngủi, sinh mệnh vô thường, nếu anh cứ loay hoay tìm ngược

tìm xuôi thì khi anh chưa tìm được đáp án cho "*nguyên nhân thứ nhất*" của vũ trụ thì anh đã chết mất rồi!

Trong Kinh Phật, có một tí dụ rất có ý nghĩa như sau:

- Có một người bị thương do mũi tên độc bắn, người nhà đưa anh ta đến khoa ngoại điều trị. Nếu anh ta bảo: tôi không đồng ý rút mũi tên ra, trừ phi tôi phải biết ai bắn tôi, người bắn tôi là Sát đế lợi hay Bà la môn? tên họ là gì? thân hình lùn hay tầm thước, da trắng hay da vàng, từ nơi nào đến, cung và mũi tên như thế nào, mũi tên làm bằng chất liệu gì?... thì tất nhiên anh ta phải chết mà không được giải đáp những câu hỏi trên.

Do vậy mà Phật giáo không lãng phí công sức, thời gian để tìm ra vấn đề nguyên nhân thứ nhất của vũ trụ. Bởi vì việc truy tìm như vậy là vô ích, không có tác dụng đối với con người, không liên quan gì đến việc con người muốn thoát khỏi cái khổ sinh, già, bệnh, chết, không khiến cho con người được an tịnh, giải thoát và sung sướng!

Phật giáo phản đối quan điểm cho rằng vạn vật vũ trụ là do thần linh sáng tạo ra mà cho rằng vạn vật là do "nhân duyên hội tụ" lại mà thành. Tí dụ ngọn núi trước mặt chúng ta là do đất đá hợp thành, hồ là nơi trũng tích trữ nước, cái bàn trong nhà là do thợ mộc dùng gỗ làm ra. Nếu chuyển dời đất đá đi thì không thành núi, tát cạn nước ao ra

thì còn gì là bóng dáng của cái ao. bóc dỡ những tấm ván của cái bàn thì thử hỏi có cái bàn nào nữa?

Đó là những vật có hình thể có thể thấy được mà ta gọi là "*sắc*", vì chúng chỉ là "nhân duyên tạm thời tụ hợp nhau lại mà thôi, không phải là cái thực có, không thay đổi, nên gọi chúng là "*không*", tức là không phải là thực thể tồn tại mãi mãi, không thay đổi. Đây là đạo lý giản đơn về "*Sắc tức là Không*" trong kinh Phật. Nhưng khi Phật giáo nói "*Sắc tức là Không*" chữ "*Không*" này không phải là "*hoàn toàn không, không có gì*" mà là "*cái chân không*", chứa đựng cái "*diệu hữu*". Xin lấy một ví dụ để chứng minh: trước mắt có một chén nước, đun nước cho sôi thì nước biến thành hơi, không thấy bóng dáng nước đâu cả, nhưng không thể nói rằng nước đã mất đi biến thành không, vì khi hơi nước gặp lạnh thì lại trở thành nước.

Những người am hiểu hóa học biết rằng nước là vật hóa hợp do oxy và hy-đrô-rô tạo thành. Nói cách khác nước chẳng qua là một vật hóa hợp tạm thời của ô-xy và hy-đrô-rô. Cứ căn cứ vào đấy mà suy diễn thì vạn sự, vạn vật trong vũ trụ không có vật nào mà không phải là nhân duyên tạm thời tụ hợp với nhau lại mà thành, không có vật nào lại tồn tại mãi mãi không biến đổi. Nhân duyên hợp thì sinh, nhân duyên rời ra là diệt, không có ông thần linh nào sáng tạo ra muôn vật cả, không có vạn vật nào

được sáng tạo ra cả!

7/ PHẬT GIÁO THÍCH NGHI VỚI MỌI NGƯỜI, MỌI NƠI

Đức Phật luôn luôn căn cứ vào căn cơ khác nhau của chúng sinh, tùy theo thời gian, không gian khác nhau mà thuyết pháp. Do đối tượng giáo hóa khác nhau nên Người có cách giải thích khác nhau, như đối với người có trí tuệ cao, thì Người dạy đạo lý minh tâm, kiến tính, chứng ngộ được ngay, đối với người kém trí tuệ, Người dạy phải tu hành tuần tự, từng bước một. Đối với người mãi mê đuổi theo danh lợi, Người dạy họ đạo lý "*danh lợi đều là Không*". Đối với những người tiêu cực, bi quan, cho rằng sống ở đời hoàn toàn không có ý nghĩa, sinh mạng là hư vô, thì Người bảo "*làm người là khó được, sinh mạng là đáng quý, con người có thể cố gắng đạt tới hạnh phúc và sung sướng*" để động viên cổ vũ họ có dũng khí và lòng tin.

Cũng cùng một đạo lý nhưng do thời gian, không gian khác nhau mà đức Phật có những ví dụ và giải thích khác nhau. Như người Hà Bắc hỏi Phật: "*Làm thế nào đến Nam Kinh?*", Người bảo: "*Hãy đi về phía Nam!*" Đối với người Hằng Châu thì Người bảo: "*Đi về phía Bắc*". Tùy theo nơi ở của chúng sinh khác nhau mà đức Phật có cách trả lời khác nhau. Phật pháp có 3 tạng 12 bộ, 8 vạn 3000 pháp môn (pháp môn là phương pháp tu hành).

Những phương pháp tu hành đó đều căn cứ vào căn cơ mà chúng sinh được đặt ra để chấm dứt phiền não cho chúng sinh. Nếu không có chúng sinh thì cũng không còn phật pháp. Phật pháp như "thuốc", chúng sinh không có bệnh phiền não thì không cần thuốc.

Phật pháp lưu truyền trên đời trên 2500 năm, thích ứng với các thời đại khác nhau, chúng sinh khác nhau. Đó là vì nó có thể căn cứ vào thực tế, căn cứ vào điều kiện cụ thể từng nơi mà thuyết pháp giáo dục chúng sinh. Phương pháp giáo dục đó là 1 trong những nét đặc sắc của Phật giáo.

8/ PHẬT PHÁP NHẬP VÀO ĐỜI NGƯỜI

Đạo lý của Phật giáo tuy nhằm vào mục đích cuối cùng là "xuất thế" nhưng không đối lập với tinh thần "nhập thế" (cái gọi là xuất thế không phải là thoát ly, trốn tránh thế gian mà là cải tạo thế gian, xây dựng lại thế giới này).

Kinh Phật nói: "Phật pháp ở thế gian không tách rời khỏi sự giác ngộ của thế gian, tách rời thế gian mà cầu được bỏ đề như đi tìm sừng con thỏ!" Điều này nói rõ tu hành phải ở trong cõi người, muốn giác ngộ cũng phải ở trong cõi người mà giác ngộ. Con người muốn cầu đạo không thể từ bỏ thế giới này, trốn tránh con người trên thế giới này để bo bo hoàn thiện cái thân của mình mà tu hành đạt chính quả. Bởi vì một cá nhân muốn thành Phật

thì ngoài việc phải có đầy đủ thông minh trí tuệ ra, anh ta còn phải phát nguyện tâm từ bi rộng lớn phổ độ chúng sinh. Phải vận dụng hỗn hợp cả hai thứ "bi" và "trí" đó đạt đến mức tột cùng, triệt để và viên mãn mới có thể thành Phật. Do vậy Phật giáo với tinh thần xuất thế mà làm sự nghiệp nhập thế. Từ tu hành đến thành Phật vừa không "nhập thế", vừa không phải xuất thế vì rằng tất cả đều được tiến hành trong thế gian này cả.

Trong Kinh Phật có nói đến tịnh độ "thế giới cực lạc Tây Phương" "thế giới lưu ly" ở Đông phương, khuyên người ta niệm Phật để được vãng sinh ở những nước này. Nhưng những người hiểu biết chút ít về lý lẽ chân thực của Phật giáo cũng đều biết rằng đó là phương tiện quyền nghi mà chư Phật Bồ tát đề ra để cứu độ chúng sinh. Mục đích cuối cùng của Phật giáo là "biến cõi người này thành tịnh độ trang nghiêm, biến địa ngục thành thế giới cực lạc". Đó mới là tôn chỉ chân chính của Phật giáo chứ không phải yêu cầu mọi người trốn tránh thế giới này để sang tịnh độ Tây phương mà hưởng phúc.

9/ PHẬT GIÁO KHÔNG BÀI XÍCH TÔN GIÁO KHÁC

Phần lớn các tôn giáo trên thế giới đều thừa nhận giáo lý tôn giáo mà tín đồ họ tin là "chân lý" duy nhất và bài xích giáo lý khác là tà thuyết. Còn

Phật giáo thì cho rằng tất cả các tôn giáo chỉ có sự khác nhau về giáo lý nông hay sâu, rất ít nói đến sự phân biệt tốt xấu, tà chính. Bất kỳ tôn giáo nào đã có thể tồn tại trên thế giới này trên nghìn năm đều ít nhiều có ích đôi với con người. Nếu không thì tôn giáo sẽ bị trí tuệ con người đào thải và sẽ bị thời gian làm cho mai một. Vấn đề là ở chỗ một số tôn giáo chỉ có thể đưa lại cho con người niềm vui tạm thời và ngắn ngủi. Còn một số tôn giáo khác thì có thể đưa lại cho con người hạnh phúc lâu dài, vô lượng, Phật giáo thuộc về loại này.

Trong gần 3000 năm được lưu truyền trên cõi đời, Phật giáo luôn luôn chung sống hòa bình với các tôn giáo khác, trên lịch sử chưa hề xảy ra xung đột đổ máu giữa Phật giáo và các tôn giáo.

Vua A Dục ở Ấn Độ (trước công nguyên hai thế kỷ) dựa theo lòng từ bi rộng lớn của đức Phật và di giáo của Người đã cho khắc bài văn sau đây trên đá hiện còn được bảo tồn: *"Không được tôn trọng tôn giáo của mình mà lại bài xích các tôn giáo khác, phải quý trọng các tôn giáo khác. Làm như vậy không những giúp tôn giáo mình phát triển mà còn có nghĩa vụ giúp đỡ các tôn giáo khác. Nếu làm ngược lại thì chẳng những đào huyệt chôn tôn giáo mình còn làm tổn hại đến tôn giáo khác. Do vậy hòa hợp mới là tốt, tất cả mọi người phải hết sức lưu ý, tự nguyện lắng nghe giáo lý của các tôn giáo khác".*

Lòng khoan dung và sự thành tâm được thể hiện qua những lời lẽ nói trên chính là một trong những di sản quý báu nhất trong nền văn hóa Phật giáo.

Theo Phật giáo thì "chân lý" không có ranh giới, nó không cần có biểu trưng của tôn giáo nào cả và cũng không phụ thuộc vào một tôn giáo nào cả hoặc phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào trong bất kỳ thời đại nào. Do vậy chân lý mà đức Phật nói ra không phải chỉ của riêng của Người bởi vì đức Phật chẳng qua chỉ là người phát hiện ra chân lý, như lực hấp dẫn quả đất mà Niu-ton phát hiện không phải là của riêng Niu-ton.

Do vậy Phật giáo cho rằng tất cả những đạo lý hợp lý, có tính chất vĩnh hằng, không thay đổi đều là Phật pháp.

"Anh phải yêu kẻ thù của anh" tuy là ở trong sách thánh đạo Cơ đốc, nhưng Phật giáo hoàn toàn thừa nhận rằng đó là chân lý tuyệt đẹp cũng giống như "đại từ vô duyên" "đại bi đồng thể" của Phật giáo. Phật giáo như đại dương bao la, có thể dung nạp tất cả con sông lớn nhỏ trên trái đất. Nên Kinh nói: *"Tất cả các pháp đều là Phật pháp"*.

10/ PHẬT GIÁO LÀ DÂN CHỦ VÀ TỰ DO

Ở các tôn giáo khác, lời nói của giáo chủ là mệnh lệnh không thể chống đối, là "chân lý" không

được phép nghi ngờ. Ai mà không phục tùng hoặc tỏ ra hoài nghi thì thế nào cũng bị trời trừng phạt. Ở trong Kinh Phật, tuyệt đối không thấy có đoạn nào ghi chép đức Phật nóng giận, không hề thấy Người sử dụng phương thức trừng phạt tàn bạo, dã man. Trong 49 năm đức Phật tiến hành giáo hóa chúng sinh, các đệ tử của Người luôn luôn thấy người Thầy của họ bao giờ cũng dịu dàng, hiền từ. Đối với người tốt, thái độ của Người là như vậy. Đối với người xấu, thái độ cũng vậy.

Đối với đạo lý mà đức Phật dạy chúng sinh, Người không hề buộc các đệ tử tiếp nhận, cổ vũ khuyến khích họ hoài nghi thắc mắc. Cho đến khi đã 80 tuổi, sắp sửa lâm chung, Người vẫn không ngừng dạy bảo, ân cần hỏi các đệ tử còn có điều gì nghi ngờ, thắc mắc nữa. Người nói: *"Nghi lớn là giác ngộ lớn, nghi nhỏ chỉ là giác ngộ ít, không nghi là mãi mãi không giác ngộ"*. Trong lời di huấn cuối cùng, đức Phật nói: *"Ta không bao giờ cho rằng, các người (tức đệ tử) là thuộc về ta, chúng sinh là thuộc về ta, ta chẳng qua là một trong số các người, luôn luôn ở cùng với các người, xưa nay chưa hề áp bức người khác, cũng chưa hề buộc người ta phục tùng ta"*. Thực quả là những lời di huấn hết sức hiền từ, xúc động lòng người biết bao!

Cho phép và khuyến khích đệ tử của mình tự do nghi ngờ, thắc mắc đối với đạo lý mà bản thân giáo chủ nói ra để rồi đi sâu nghiên cứu, tinh thần Phật

giáo ấy quả thật là ít có!

Chân lý phải được suy ngẫm thảo luận nhiều lần dưới tiêu đề dân chủ, tự do mới thể hiện rõ tinh thần và giá trị của nó. Trong các tôn giáo trên toàn thế giới, chỉ có giáo chủ và kinh điển Phật là cho phép hoài nghi, thảo luận, truy cứu.

Hoan nghênh những người có tinh thần nghiên cứu, có nhân cách độc lập tự chủ, thông minh, có trí tuệ tiến hành nghiên cứu Phật pháp, cánh cửa Phật giáo luôn luôn được mở toang trước mặt họ.

CHƯƠNG II:

GIẢI QUYẾT MỘT SỐ HIỂU LẦM

Phật giáo bắt nguồn ở Ấn Độ, đến nay đã gần 3000 năm, được lưu truyền khắp chân trời góc biển trên thế giới. Do thời gian dài và địa bàn rộng lớn nên không tránh khỏi làm thay đổi ít nhiều bộ mặt vốn có của Phật giáo. Bộ mặt đó thay đổi có khi thì để thích ứng với sự tồn tại và phát triển của bản thân Phật giáo như sau khi được truyền vào Trung Quốc, Phật giáo đã dung hòa được với tư tưởng Nho giáo, đạo Lão. Lại như sự xuất hiện của Thiên tông, sự phát triển của tông phái đại thừa đều mang sắc thái và tinh thần độc đáo của Trung Quốc.

Với chương này, chúng tôi đề nghị các độc giả hãy cất bỏ đôi kính màu đã mang sẵn từ trước, hy vọng nhờ đó mà nhìn thấy rõ sự vật trước mắt mình. Nếu qua đó mà nhận thức được Phật giáo thêm một bước, hiểu rõ được Phật giáo, xóa bỏ những hiểu lầm đối với Phật giáo (dù là được nghe hoặc do tự bản thân mình nhận thức) thì đó là

điều mà chúng tôi rất mong đợi.

Xin tổng hợp những hiểu lầm đối với Phật giáo thành 8 điểm sau đây.

1/ Phật giáo là tin có trí tuệ chứ không phải là mê tín

Trước khi thảo luận vấn đề này, cần phải định nghĩa hai từ *"tin một cách có trí tuệ"* và *"mê tín"*.

Nói đơn giản, hễ không trải qua suy nghĩ kỹ lưỡng và quan sát rõ ràng mà tin tưởng mù quáng thì gọi là *"mê tín"*

Ngược lại nếu qua suy nghĩ chín chắn xác minh chính xác mới tin tưởng thì là *"tin một cách có trí tuệ"*.

Hiện nay, một số người nói chung khi chỉ trích Phật giáo là mê tín chỉ thấy một số mặt ngoài hời hợt của Phật giáo hoặc nghe những lời bàn tán dị nghị thì khẳng định Phật giáo là mê tín. Thực ra trong đầu óc họ có chứa đựng được bao nhiêu trí tuệ, lý lẽ đâu! Chưa đi sâu nghiên cứu, chưa quan sát rõ ràng mà mù quáng phụ họa lời của người khác thì bản thân trước hết là mê tín rồi, mê tín lời nói xằng bậy của người khác.

THÍCH CA MÂU NI chưa hề ép buộc đệ tử của Người tin một cách mù quáng, đồng thời khuyến khích họ thắc mắc. Về điểm này đã nói rất tỉ mỉ trong mục *"Phật giáo là dân chủ và tự do"* trên đây

rồi.

Điểm khác nhau lớn nhất giữa kinh điển Phật giáo và kinh điển những tôn giáo nói chung là kinh điển Phật giáo cho phép hoài nghi, nghiên cứu, còn kinh điển các tôn giáo khác thì là chân lý tuyệt đối "không được chống lại, nếu không thì là phạm thượng đối với thần linh".

Đức Phật đã từng dạy các đệ tử: *"Sự hoài nghi của các người, thắc mắc của các người là chính đáng bởi vì một sự việc đáng nghi ngờ là nên nghi ngờ"*.

Phật giáo cho rằng con người không được tin vào những lời phao tin, những truyền thuyết, không được dựa vào kinh điển tôn giáo, không được chỉ dựa vào lý luận hoặc suy đoán, không được cho rằng vì sự vật nào đó hình như có khả năng tồn tại mà tin là có thực.

Tư tưởng vĩ đại của Phật giáo không phải chỉ dừng lại ở đây! Theo đức Phật thì không được cho rằng vì Phật là bậc Thầy nên lời nói của Người phải tin chắc là đúng, không được nghi ngờ. Người yêu cầu các đệ tử: *"Khi bản thân các người biết chắc chắn rằng sự việc đó là đúng, là tốt đẹp thì các người hãy tin tưởng và tuân theo"*.

Phật giáo không cho rằng hoài nghi là tội ác hoặc ngu xuẩn, ngược lại cho rằng hoài nghi là con đường đạt đến giác ngộ. "Nghi lớn thì ngộ lớn, nghi

nhỏ là ngộ nhỏ" chứng minh cho tinh thần thực sự cầu thị đó.

Vì vậy Lương Nhiêm Công tiên sinh nói: *"Phật giáo là tin có trí tuệ không phải là mê tín!"*.

2: Phật giáo là khoa học chứ không phải phản khoa học

Ông Tôn Trung Sơn nói: *"Phật học là mẹ của triết học, nghiên cứu Phật học có thể bổ khuyết vào những điểm thiếu sót của khoa học"*.

Nói một cách khác, Phật học không những phù hợp với khoa học mà còn có thể bổ khuyết vào những điểm thiếu sót của khoa học, uốn nắn những sai lầm khi nghiên cứu khoa học.

Xin nêu lên ở đây một số ví dụ giúp mọi người hiểu được dễ dàng hơn để chứng minh rằng khoa học không xung đột với Phật giáo vì mục tiêu của chúng là truy cầu chân tướng và sự thực.

a/ Vũ trụ quan của Phật giáo: trước đây có những nhà thiên văn cho rằng vũ trụ là có tận cùng, có giới hạn, nhưng quan điểm này bị những phát hiện mới ngày càng nhiều bác bỏ.

Trước đây theo học thuyết của Ptolem Atis thì trái đất là trung tâm của vũ trụ, là bất động, mặt trời vận hành vòng quanh trái đất. Lúc bấy giờ, học thuyết đó được giáo hội Rô-ma cho là chân lý vững chắc không còn nghi ngờ gì nữa. Về sau học

thuyết này bị Cô-péc-nich và Ga-li-lê bác bỏ. Do vậy mà các ông này suýt bị sát hại. Thế nhưng quyền lực của Rô-ma cuối cùng không ngăn cản được chứng cứ khoa học. Hiện nay ngay một cậu học sinh nhỏ cũng biết rằng trái đất chỉ là một hành tinh nhỏ trong vô số hành tinh của vũ trụ không những tự xoay tròn mà còn xoay quanh mặt trời.

Chúng ta hãy xem tổ chức vĩ đại của vũ trụ mà Phật giáo miêu tả rất phù hợp với điều mà khoa học hiện đại đã chứng minh.

Phật giáo cho rằng 1000 thái dương hệ hợp thành 1000 tiểu thế giới, 1000 tiểu thế giới hợp thành 1000 trung thế giới, 1000 trung thế giới hợp thành 1000 đại thế giới. 1000 đại thế giới được gọi là một quốc độ Phật (nơi mà Phật giáo hóa). Như vậy là một quốc độ Phật có bao nhiêu thái dương hệ? Có tất cả là $1.000^3 = 1.000.000.000$ thái dương hệ, tương đương với một tinh vân thiên văn học (một hàng tinh do một quần hành tinh, vệ tinh xoay xung quanh cấu thành một hệ thống gọi là thái dương hệ. Tỉ dụ như thái dương của chúng ta có 9 hành tinh lớn xoay xung quanh là Trái đất, sao Thủy, sao Kim, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ, sao Thiên hoàng, sao Hải hoàng, sao Minh vương cùng với 27 vệ tinh và hơn 1.100 hành tinh nhỏ.

Thế thì trong vũ trụ cuối cùng có bao nhiêu quốc độ Phật? Kinh A di đà nói rõ: "*Từ Tây phương vượt*

qua 10 vạn triệu triệu quốc độ Phật có thể giới gọi là Cực lạc!" nghĩa là từ trái đất ta ở đến Cực lạc Tây phương có đến 10 vạn ức Phật độ. Cho nên đức Phật Thích Ca nói: "10 phương hư không là vô cùng vô tận, thế giới là mệnh môn không bờ bến" (10 phương hư không đồng nghĩa với chữ "Thái không" mà ta thường nói). Điều này nói với chúng ta rằng, trong hư không có vô vàn hành tinh không kể xiết, hư không là mệnh môn, không bờ bến.

Sau thời kỳ phục hưng văn nghệ ở châu Âu, Ga-li-lê dùng kính viễn vọng quan sát các hành tinh trong hư không, nên thiên văn mới dần dần có nhiều tiến bộ. Cho đến ngày nay, chúng ta mới hiểu biết chút ít về cõi hư không mệnh môn vô tận, mới được biết rằng trái đất của chúng ta chẳng qua chỉ là một hành tinh nhỏ trong thái dương hệ mà thôi. Còn trong hư không thì có vô vàn thái dương hệ không kể xiết, có hàng triệu triệu mặt trời.

Nhưng 2500 năm trước đây, THÍCH CA MÂU NI chưa có kính viễn vọng mà đã báo cho chúng ta biết hư không là vô cùng vô tận, còn số lượng hành tinh trong hư không thì không kể xiết (Đức Phật dùng chữ "không thể nghĩ bàn" để hình dung, ý muốn nói là chẳng những không thể đếm hết mà ngay đến tưởng tượng cũng không thể tưởng tượng nổi).

Nếu không phải là một bậc "tiên tri, tiên giác"

có một trí tuệ vĩ đại, uyên bác như vậy thì không sao miêu tả được bộ mặt thật về vũ trụ vĩ đại, thần bí, bao la mênh mông như thế!

b/ Trong một bát nước có 8 vạn 4000 chúng sinh:

Khi đức Phật thuyết pháp, Người đã báo rất rõ cho chúng ta biết rằng: Chúng sinh trong vũ trụ là không thể đếm được, là không thể tưởng tượng được. Ngoài trái đất chúng ta ở có chúng sinh ra, vô vàn hành tinh trong vũ trụ cũng có chúng sinh. Ngoài số chúng sinh mà chúng ta thấy bằng mắt thường ra còn có rất nhiều chúng sinh mà chúng ta không thấy. Đức Phật chỉ một bát nước trên bàn nói: "Trong bát nước này có 8 vạn 4000 chúng sinh (vi trùng)" (trong Kinh Phật, 8 vạn 4000 có nghĩa là số lượng rất nhiều).

Ngày nay với sự tiến bộ của nền khoa học, các nhà khoa học không dám phủ nhận rằng ở các hành tinh khác trong vũ trụ có khả năng tồn tại những sinh vật khác. Nhưng chúng ta tin rằng thế nào cũng có một ngày, các nhà khoa học sẽ chứng minh rằng điều mà Phật giáo nói là chính xác tức là trong vũ trụ còn tồn tại vô vàn chúng sinh.

Ngày nay qua kính hiển vi, người ta thấy trong bát nước có đến hàng ngàn, hàng vạn vi trùng.

Cách đây 2500 năm, THÍCH CA MÂU NI không dùng kính hiển vi quan sát mà có thể nói lên một

sự thực phù hợp với khoa học, thực đáng để cho chúng ta khâm phục biết bao!

c/ Sắc tức là không, không tức là sắc:

Theo vật lý học cũ thì có hai định luật quan trọng: một là định luật *vật chất bất diệt*, hai là định luật *năng lượng bất diệt*. Điều đó có nghĩa là các nhà vật lý trước kia cho rằng vật chất và năng lượng không liên quan gì với nhau, không thể trao đổi cho nhau được, cả hai thứ đó đều thường trú bất diệt.

Vật chất trong Kinh Phật được gọi là "Sắc" (đừng lầm với chữ "nữ sắc"). Phật giáo cho rằng "Sắc" tức là "Không", như vậy là đối lập với khoa học. Theo sự giải thích của Phật pháp, thì tất cả mọi sự vật của vũ trụ đều là "vô thường", bản thể là "không", không có cái gì là bất diệt cả, như vậy cũng không hợp với khoa học.

Công thức "năng lượng và vật chất có thể chuyển hóa cho nhau" do Anh-xtanh công bố chứng tỏ khi một lượng vật chất bị hủy diệt thì có thể biến thành một sức mạnh rất lớn khủng khiếp ($E = mc^2$). Phải đợi đến khi thực hiện thí nghiệm bom nguyên tử mới có thể chứng minh rằng vật chất có thể biến thành năng lượng. Như vậy bản thể của vật chất (sắc) chẳng phải là "không" hay sao?

Thế là định luật cũ vật lý học đã bị phủ định, Phật học một lần nữa đã xác minh từ khoa học

quan điểm của mình là đúng đắn.

E rằng cách giải thích này khó hiểu, xin nêu một ví dụ sau đây:

1. Sắc tức là không: vật chất (sắc) là do các nguyên tử hợp thành mà trong nguyên tử thì có hạt nhân nguyên tử và điện tử, trong hạt nhân nguyên tử lại có chất tử và trung tử, chất tử và trung tử lại có thể hủy diệt lẫn nhau để biến thành năng lượng (không) (các nhà vật lý học trước đây sai lầm cho rằng nguyên tử là không phân chia ra được).

2. Không tức là sắc: năng lượng (không) có thể biến thành vật chất (sắc). Điều này đã được giới khoa học thừa nhận.

3. Sau cùng, xin nêu một ví dụ trong thuyết tương đối của Anh-xtanh: thời gian thay đổi theo tốc độ. Tỉ dụ một người ngồi trên một tên lửa có tốc độ ánh sáng bay đến một hành tinh khác, sáng sớm thì anh ta ăn cơm trên trái đất, rồi ăn trưa trên hành tinh đó, buổi tối lại chuẩn bị về trái đất ăn tối. Thế nhưng khi anh ta quay về thì trái đất đã trải qua hằng mấy trăm năm rồi, bà con thân thuộc của anh đã chết tất cả rồi.

Hiện nay các nhà khoa học chưa có người nào dám phủ định khả năng hiện thực của tỉ dụ này, nhưng Kinh "*Diệu pháp liên hoa*" thì đã ghi rõ: "*đức Phật nói với những người đến nghe Người*

thuyết pháp: "Các người ở đây nghe ta giảng kinh cảm thấy thời gian không lâu lắm nhưng thế giới bên ngoài thì đã kinh qua hàng ngàn vạn năm rồi"". Thế là về thuyết thời gian tương đối đức Phật đã nói cách đây hơn 2000 năm. Chính vì vậy mà ông Tôn Trung Sơn mới nói: "Nghiên cứu Phật học có thể bổ sung vào những chỗ thiếu sót của khoa học". Phật học quả là đóng góp lớn trong khoa học.

3/ Phật giáo là từ bi, không sát sinh

Thường thường trên báo chí đăng tin: "Nhân ngày sinh nhật của Bồ tát, thiện nam tín nữ giết trăm con lợn để cúng tế, thể hiện lòng thành của họ". Tin này khiến tôi lắc đầu thờ dài.

Có khi trên đầu phố trước tượng "Quan thế âm" người ta cúng dường cả một con lợn to, bụng phình, miệng mở rộng, răng nhe, khiến người ta rất phiền lòng.

Mọi người đều biết "không sát sinh" là giới cấm cơ bản của Phật giáo. Phật giáo chủ trương chúng sinh đều bình đẳng, đối với những động vật nhỏ yếu không kịp cứu thoát, phóng sinh lẽ nào lại đang tâm giết hại chúng?

Phật giáo chủ trương thuyết luân hồi, hễ chúng sinh nào chưa được giác ngộ đều phải luân hồi mãi mãi trong biển khổ sống chết. Do vậy ngoài đời

này ra, con người còn phải trải qua hàng ngàn hàng vạn đời khác. Nói một cách khác, trong các đời trước kia, chúng ta đã từng có hàng ngàn, hàng vạn cha mẹ, anh chị em, láng giềng, bè bạn, thầy học, nhưng do chúng ta chưa được giác ngộ thực sự, chưa hiểu được những điều đó một cách trí tuệ nên không biết. Nếu ngày nay chúng ta tùy tiện sát hại các động vật thì chúng ta có thể sát hại những người trước đây đã từng là cha mẹ anh chị em và bè bạn thân thuộc của chúng ta. Vì vậy mà Phật giáo chủ trương không sát sinh (Đó cũng là một trong những lý do ăn chay của Phật giáo).

Tất nhiên có người chất vấn: "Làm thế nào mà biết được điều đó? Lấy gì làm chứng minh?".

Muốn trả lời vấn đề này, trước hết xin nghe cuộc đối thoại sau đây:

A: Xin hỏi có gió hay không?

B: Tất nhiên là có.

A: Thế thì đề nghị anh chỉ cho tôi xem màu sắc, hình thù của gió.

B: Đó là điều không thể được!

A: Anh không thể chỉ cho xem gió như thế nào, phải chăng có nghĩa là không có gió?

B: Không phải, tuy tay không nắm được gió, không sờ được gió, nhưng vẫn có gió, chẳng qua là tôi không thể chỉ gió cho anh

xem mà thôi!

Trong vũ trụ có vô vàn sự thực tuy không thể đề ra những chứng cứ để chứng minh, nhưng chúng ta không thể phủ nhận sự tồn tại của chúng. Hơn nữa nền khoa học hiện nay do thành tựu bị hạn chế nên còn chưa giải đáp được vô vàn những hiện tượng trong vũ trụ. Đối với vô vàn hiện tượng bao la, nhân sinh, vũ trụ rối ren phức tạp, con người thông thường lẽ nào lại có thể hiểu biết dễ dàng hay sao!

THÍCH CA MÂU NI hiểu thấu được đạo lý đó nên nói với các đệ tử rằng: "Ta là người nói thật, nói đúng không phải là nói bừa!" Người hy vọng các đệ tử Phật phải cố gắng chịu khó nghiên cứu, hiểu rõ những điều có thể hiểu được, những điều đã được giải thích, những điều còn lại có thể tạm thời tin vào lời Phật nói. Bởi vì có một số đạo lý không thể dùng lời nói, chủ nghĩa mà giải thích rõ ràng được. Cho nên trong Kinh Phật mới nói: *"Như người uống nước, tự mình mới biết nước nóng hay lạnh!"* Có thể biết một cách chính xác và rõ ràng tình hình đời trước theo Phật học nói là "túc mệnh thông". Năng lực đó (thần thông) phải trải qua cố gắng tu hành mới có thể đạt đến.

Đối với người mù mà nói rằng thế giới này có biết bao cây đào màu hồng và cây liễu màu xanh thì anh ta có hiểu không? Đối với một người điên mà bảo rằng người này người nọ là con của bố anh,

anh em của anh, liệu anh ta có biết được không!

Phật giáo chủ trương cấm sát sinh. Do vậy nếu thường sát sinh, giết gà, vịt, lợn, dê để cúng bái thì nên ghi nhớ, đó tuyệt đối không phải là Phật giáo.

4/ Phật giáo là tích cực, lạc quan

Người ta nói chung khi phê bình Phật giáo thường nói: "Phật giáo bi quan quá, tiêu cực quá!"

Vì sao người ta lại ngộ nhận như vậy? Đó là vì:

Phật giáo chỉ rõ con người sinh ra trên đời đều có những đau khổ như sinh, già, bệnh, chết, lại nói "nhân sinh là vô thường", cho rằng mọi sự mọi vật trên thế giới đều do nhân duyên mà tạo thành, đều biến đổi trong nháy mắt, cái gọi là danh, lợi, của cải, sắc đẹp đều là huyền ảo, do vậy khuyên mọi người chớ có quá "chấp trước" chớ có "tham ái quá mức".

Phật giáo cũng cho rằng "tham muốn nhiều là khổ, dục vọng quá nhiều thường là nguồn gốc của đau khổ và phiền não, nên khuyên con người "biết đủ ít ham muốn" (thiểu dục tri túc), mỗi người phải biết lượng tài sức của mình để quyết định dục vọng của mình nhiều hay ít. Nếu sức lực của mình không đủ mà suốt ngày cứ loay hoay đeo đuổi những mơ tưởng điên rồ thì chẳng phải là tự chuốc lấy những phiền não vào mình hay sao?

Nhưng điều cần ghi nhớ là đức Phật không yêu

câu chúng ta *"tuyệt dục"* mà chỉ nói *"thiếu dục tri túc"*. Tiết chế quá mức đến nỗi ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân là điều mà Người phản đối. Sau khi xuất gia hồi 19 tuổi, Người đã từng thực hiện biện pháp khổ hạnh theo ngoại đạo lúc bấy giờ, mỗi ngày chỉ ăn một hạt cơm, một hạt vừng làm cho thân hình gầy gò như que củi, thể lực sút kém, kết quả là không đạt được giác ngộ mà Người mong muốn. Cuối cùng đức Phật hiểu ra rằng đây dọa thân hình của mình không phải là phương pháp đạt đến con đường giải thoát. Thân thể tuy không chân thực thể nào cũng có ngày bị hoại diệt nhưng tu hành phải dùng đến thân thể. Thân thể mà không khỏe mạnh thì vừa không thể suy nghĩ, tư duy, lại không thể ngồi thiền định được.

"Thiếu dục tri túc" là một con đường trung đạo. Chương 34 trong Kinh 42 chương có đoạn ghi chép sau đây:

Đức Phật hỏi một vị hòa thượng thích chơi đàn trước khi xuất gia:

- "Dây đàn mà chúng quá có đàn ra tiếng không?"

- Không.

- Nếu dây quá căng thì sao?

- Thì dây bị đứt.

- Nếu lên dây đàn vừa phải thì sao?

- *Thì có thể đàn lên những nốt nhạc tuyệt hay!*

Do vậy Phật giáo không tán thành những kẻ phóng dật "rượu chè bê bối, say sưa tối ngày", cũng không đồng ý với những kẻ tự hủy hoại mình, cố tình chịu đói chịu rét. "*Thiểu dục tri túc*" của Phật giáo là con đường trung đạo, đạt đến hạnh phúc, tươi vui.

Bây giờ xin chuyển sang vấn đề "*Phật giáo không phải tiêu cực và bi quan!*"

Phật giáo khuyên người ta phải hiểu rõ đạo lý "con người sinh ra là vô thường, sinh mạng là ngắn ngủi không được để hoài phí tuổi xuân, không để thời trai trẻ của mình trôi đi một cách vô ích". Có như vậy, con người mới quý tiếc thời gian, cố gắng làm những việc lợi ích cho đời, có lợi cho mình, có lợi cho người.

Phật giáo cho rằng "*4 đại là không*", 4 đại là đất, nước, lửa, gió, là 4 nguyên tố mà mọi thế giới và thân thể con người dựa vào đó mà được tạo nên. Đất là chất cứng của vật chất, nước là thể lỏng của vật chất, lửa là chất nóng của vật chất, gió là tính động của vật chất.

Xét về thân thể con người, da thịt xương là thuộc về đất, máu, nước bọt là thuộc về nước, hơi ấm là lửa, vận động hô hấp là gió. Thân thể con người là do nguyên tố 4 đại hợp thành và cũng do

4 đại đó tan rã mà bị hủy diệt. Con người về cơ bản không có một bản thể chân thực nào tồn tại nên nói rằng "4 đại đều không".

Vì "4 đại" đều "không" nên nói "vô ngã" (không có cái tôi). Có người không rõ điều này nên nói: "Rõ ràng là tôi ở đây, sao lại nói "không có tôi?". Cái gọi là tôi ở đây chẳng qua chỉ là vật thể tổng hợp tạm thời gồm 4 nguyên tố đất, nước, lửa, gió đã nói ở trên mà tế bào trong con người thì từng giây từng giây không ngừng thay cũ đổi mới. Nói một cách khác là con người từng giây từng phút "thay da đổi thịt". Thế thì "cái tôi" ở đây là chỉ "cái tôi" ở giây trước hay là "cái tôi" giây sau? (Thời gian như cái thác nước, tìm đâu ra được điểm nào là hiện tại?).

Có lẽ có người cho rằng "tư tưởng" mới là "cái tôi". Thế nhưng tư tưởng của con người thì sinh diệt từng sát na một, biết đổi không ngừng, giống như sóng biển, lớp sóng trước nhô lên thì lớp sóng sau đổ xuống, niệm này chưa dứt thì niệm sau lại sinh, trong những niệm nối tiếp nhau không ngừng như vậy, thì niệm trước là "tôi" hay niệm sau là "tôi"? Quan điểm, tư tưởng của con người cũng luôn luôn đổi thay, hôm qua anh cho là tốt, là đúng, nhưng hôm nay lại cho là sai, là không đúng.

Do vậy "từ thân thể" và "tư tưởng" căn bản không tìm ra được bóng dáng nào là "tôi" cả nên

nói va vô ngã (không có tôi).

Phật giáo nói "vô ngã" không phải là yêu cầu con người tự bỏ mình đi rồi sai lầm cho rằng đã không có cái "tôi" thì còn có quan hệ nào nữa, "cái tôi" đã là "giả" thì cố gắng mà làm gì nữa?

Nếu quan niệm như vậy thì thật là lầm to! Phật giáo nói đạo lý "vô ngã" là mong người ta hiểu rằng con người thế tục thường cho rằng "cái tôi" là thực, có nhưng kỳ thực đó là giả tướng do 4 đại tạm thời tập hợp nhau lại mà thôi, thế nào cũng có ngày 4 đại sẽ bị phân rã, suy yếu, già rồi chết. Do vậy không nên mãi mê đuổi theo danh lợi, không cần thiết phải tranh giành hơn thua, so đo với người khác mà cần phải khoan dung độ lượng cư xử với mọi người!

Duy chỉ có nhận thức "vô ngã" mới có thể hy sinh cái tiểu ngã (cái tôi nhỏ) mà hoàn thành đại ngã (cái tôi lớn), đừng cảm làm việc nghĩa, mới sẵn sàng lao vào nơi nước sôi lửa bỏng.

Một con người "vô ngã" không bao giờ có thể làm hại người để lợi mình, luôn luôn chí công vô tư, có thể ngẩng cao đầu, hy sinh dòng máu của mình vì nghiệp lớn cứu nước, cứu dân.

Vì vậy Phật giáo lấy "vô ngã" làm thủ đoạn để đạt tới mục đích phục vụ xã hội, đem lại hạnh phúc cho quần chúng. Chính vì đó mà con người "vô ngã" không bị danh lợi ràng buộc, được tự do,

tự tại thực sự, không vì được thua mà bị phiền não.

5/ Phật giáo không trốn tránh hiện thực

Có người thấy các hòa thượng ở rừng núi ẩn dấu tên họ, âm thầm tu hành cực khổ, dường như không đóng góp gì cho xã hội nên trách rằng Phật giáo trốn tránh hiện thực.

Thực ra thì đó là một luận điệu dường như đúng nhưng mà sai.

Phật giáo chủ trương tu hành "cả bi lẫn trí" (tức là từ bi và trí tuệ). Người chỉ có lòng từ bi muốn cứu đời, cứu người mà không có trí tuệ, tài cao học giỏi thì phỏng có ích gì? (Người có lòng nhân muốn cứu người sắp chết đuối mà không biết bơi thì làm sao mà cứu được?).

Người tu hành chân chính tu hành theo "*đại thừa*" hoặc "*tiểu thừa*". *Thừa* có nghĩa là thuyền, thuyền to hay nhỏ là do chở nhiều hay ít người quyết định. "*Đại thừa*" lấy việc phổ độ, cứu thoát nhiều người làm mục tiêu, *tiểu thừa* lấy "việc cứu bản thân mình" làm mục đích. Ở ẩn, âm thầm lặng lẽ tu hành là nhằm chuẩn bị sau này hoằng dương Phật giáo cứu độ chúng sinh (cũng giống như các nhà khoa học cặm cùi mãi mê nghiên cứu từ sáng đến tối trong các phòng thí nghiệm).

Thực ra thì không phải chỉ có những người xuất

gia là như vậy mà ngay các cư sĩ tu hành tại gia cũng đang tu hành "*cả phúc lẫn tuệ*", không phải chỉ vì hạnh phúc sau này của bản thân mình mà còn phải học tập khổ luyện trau dồi trí tuệ để hoàng pháp cứu độ chúng sinh nữa.

Xin dẫn chứng dưới đây chuyện cao tăng "Đường Tăng" trong "Tây du ký" để chứng tỏ Phật giáo không phải là trốn tránh hiện thực.

Sau khi xuất gia, Đường tăng được cử chủ trì một ngôi chùa lớn ở Trường An nhưng ông từ chối. Ông thấy Kinh Phật trong nước quá ít, mà nghĩa lý thì mơ hồ không làm cho người ta tin phục. Ông liền phát lời nguyện "quên thân mình đi về phía Tây để tìm cầu Phật pháp, giáo hóa chúng sinh, chẳng những đã dịch một số lớn Kinh Phật mà còn giải quyết những chỗ bế tắc, mơ hồ về Phật pháp, tiến hành một công tác thần thánh vĩ đại cho nền văn hóa Trung Quốc.

Đời nhà Đường Thái Tôn, Huyền Trang đã trải qua những năm tháng thỉnh kinh vô cùng gian khổ. Ông phải vượt qua những bãi sa mạc nóng như lửa bỏng, trèo qua những đỉnh núi cao chót vót, thập tử nhất sinh mới đến được Ấn Độ.

Dưới gốc cây bồ đề, Huyền Trang đã khóc ròng trước sự suy vong của Phật giáo Ấn Độ, quyết chí nghiên cứu Phật pháp. Trong đại hội hợp ở Khúc Nữ, Người đọc bản tuyên ngôn về chân duy thức làm chấn động cả giới tiểu thừa toàn Ấn Độ, khiến

các tín đồ hết sức khâm phục.

Huyền Trang được vua các nước tiếp đãi rất trọng thị, ai ai cũng muốn mời ông đến giảng Kinh, thậm chí vì việc này mà phát động chiến tranh với nhau.

Đến khi đạt tới cao điểm "công danh phú quý" thì Huyền Trang quyết định trở về nước. Những lời mà ông nói trước sư phụ của ông là *Giới Hiền* lúc bấy giờ cho đến nay (tức hơn 2000 năm sau) vẫn làm cho chúng ta vô cùng xúc động:

"Thưa sư phụ, mục đích cầu học của đệ tử không phải là vì hạnh phúc và nên học vấn của cá nhân! Nếu chỉ riêng về những điều đó thì đệ tử đã không mạo hiểm tính mạng của mình như vậy. Hiện nay đệ tử đã học tập được nhiều điều ở quý quốc, cần phải về nước để truyền đạo, cứu giúp đồng bào đang trong khổ nạn, nếu ở lâu không về thì rất là không phải đối với đồng bào!"

Lời lẽ thực là chân thành, khiêm nhường! Đó mới thật là một đấng nam nhi tuyệt vời! Tinh thần vĩ đại đó thật đáng cho chúng ta học tập.

Cuốn *"Lịch sử triết học Trung Quốc"* có đoạn bình luận về Huyền Trang như sau:

"Về cuộc đời của cao tăng Huyền Trang, nửa đời đi cầu Kinh, nửa đời dịch Kinh, ông ta vừa có cuộc sống của người du lịch, lại vừa

có tinh thần hy sinh vĩ đại của một nhà tôn giáo, có nhiệt tâm cứu đời của một nhà tư tưởng. Ông đã hy sinh cả cuộc đời vì Phật giáo, vì nền văn hóa Trung Quốc, vì loài người trên thế giới. Ông đã từ biệt cuộc đời, cây bút trong tay ông đã rơi xuống, trái tim ông đã ngừng đập. Nhưng dấu vết của ông in sâu trong các bãi sa mạc mãi mãi còn lưu lại trong ký ức của loài người. Hàng ngàn Kinh sách do ông dịch được lưu lại đời đời trong kho báu nền văn hóa Trung Quốc'.

Ai bảo Phật giáo là trốn tránh hiện thực? Ai bảo Phật giáo là tiêu cực, bi quan yếm thế (chán đời)?

6/ Phật giáo không phải chỉ bàn suông về giáo lý huyền diệu

Lại có người bảo: "Không phải là tôi không nghiên cứu giáo lý đạo Phật, không phải là tôi nói giáo lý đạo Phật không hay, nhưng nó rối rắm lắm, cao thâm lắm!"

Có người lại bảo: "Tại sao Phật giáo không bắt buộc đạo Cơ đốc chỉ đưa ra một bộ Kinh thánh tóm tắt rất đơn giản?"

Nói như vậy thì ấu trĩ quá, nông cạn quá! Thử hỏi "hiện tượng nhân sinh, vũ trụ có đơn giản không? Hay là phức tạp?"

Phật pháp đi truy tìm hiện tượng chân thực của

nhân sinh, vũ trụ. Chính vì hiện tượng nhân sinh, vũ trụ quá phức tạp nên không thể nói đả ba câu là giải thích rõ ràng được và cũng vì đạo lý nhân sinh vũ trụ không phải dễ hiểu nên Phật pháp giải thích đạo lý đó rõ ràng là phải cao thâm.

Đồng thời Phật pháp là nói cho chúng sinh nghe. Chúng sinh là không cùng, căn cơ (trí tuệ) của chúng sinh cũng không giống nhau, người thì cao kẻ thì thấp, có người ngu lại có người trí, vì vậy thuyết pháp cũng không thể cứ "nguyên xi" mà thuyết pháp, cùng một đạo lý nhưng phải giảng giải theo những giác độ khác nhau!

Phật giáo không phải là tôn giáo nói suông về giáo lý huyền diệu. Phật giáo phải kinh qua tu hành thực tế để tự chứng, rồi phải phối hợp lý luận với thực chứng.

Ví dụ như ngồi thiền: Có rất nhiều phương pháp ngồi thiền, có thể dựa vào chuyên chú, quán tưởng, điều tức (điều hòa hơi thở) tụng niệm, vận động, tâm tính mà tiến hành. Dựa vào phương pháp nào cũng có thể đạt tới cảnh giới giác ngộ "minh tâm kiến tính, chuyển mê thành ngộ".

Như đại sư Huệ Năng, tổ sư đời thứ 6 Thiền tông Trung Quốc là hòa thượng không biết chữ đã chỉ rõ bài kệ của Thần Tú, đệ tử của Ngũ Tổ là chưa đắc đạo. Bài kệ của Thần Tú như sau:

"Thán thị Bồ đề thụ

*Tâm như minh kính đài
Thời thời cầu phát thức
Vật sử nhạ trần ai!"*

Nghĩa là:

*"Thân là cây Bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Phải luôn chăm lau chùi
Chớ để bụi bặm bám!"*

Huệ Năng phê bình Thần Tú chỉ ở ngoài cửa chưa được vào trong nhà và nhờ người (vì không biết chữ) viết 1 bài kệ bất hủ đời đời còn ghi nhớ:

*"Bồ đề bản vô thụ
Minh kiến diệc phi đài
Bán lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai?"*

Nghĩa là:

*"Bồ đề không phải cây
Gương sáng chẳng phải đài
Tự tính không một vật
Bụi bặm bám vào đâu?"*

Bài kệ này đã được Ngũ tổ Thiên tông ca ngợi. Huệ Năng được Ngũ tổ truyền y bát tượng trưng

cho việc kế thừa phép Thiên.

Sau đây là một câu chuyện liên quan đến đại sư Huệ Năng:

Có 2 hòa thượng thấy cái phước ngoài hành lang lay động do gió thổi, thế là xảy ra cuộc tranh cãi. Một vị bảo: đó là do gió động. Vị kia bảo: Không phải, đó là do phước động. Tại sao ông lại nói gió động?

Vị kia nói: Nếu gió không thổi thì phước làm sao mà động được?

Đại sư Huệ Năng nghe vậy liền bảo:

- Gió không động, cũng không phải phước động mà cái tâm của các ông động!

Cuối đời nhà Minh đầu đời nhà Thanh có một vị tăng thi sĩ chỉ có 8 ngón tay (để biểu lộ lòng thành đối với đức Phật và quyết tâm cầu đạo, ông đã chặt đứt 2 ngón tay của mình). Ông ta vốn không biết làm thơ, biết chữ rất ít thế mà bỗng nhiên được giác ngộ sau khi thiền định. Đến gặp bạn bè ở Động Đình Hồ, ông cầm bút viết nên câu "Sóng Động Đình" đưa đến một vị tăng làm kinh ngạc mọi người. Từ đó trở đi, ông làm thơ như có thần hỗ trợ.

Ngoài ra còn có nhiều cao tăng hầu như không biết chữ thế mà sau khi thiền định, bỗng nhiên khai ngộ, giảng kinh thuyết pháp lưu loát. Những

câu thơ, những bức họa của các vị tăng này vượt lên hẳn thơ, họa của thế gian.

Trên đây là giới thiệu việc tu hành theo "thiền tông" có thể thực chứng. Người tu hành "Tông Tịnh độ" chi niệm Phật A di đà cũng có thể đạt tới chứng quả (Phật giáo y theo phương pháp tu hành khác nhau mà có những tông phái khác nhau gọi là "tông").

Đại sư *Ấn Quang*, đại sư *Hoàng Nhất* đều niệm Phật theo hồng danh của chư Phật và sau khi chết, thân xác được hỏa táng, có đến 2000, 3000 viên xá lợi. Bản thân tôi đã từng thấy xá lợi của ni sư *Viên Dung* ở chùa *Đông Sơn*, của hòa thượng *Nhân Tịnh* chùa *Từ Vân* và của đại sư *Gia Đại*, rực rỡ muôn màu. Điều đó chứng minh chứng quả đạt được do tu hành.

7/ Phật giáo phủ định thuyết định mệnh

Thế nào là thuyết định mệnh? Nói giản đơn là con người sinh ra ở đời lãnh dữ, phúc họa đều là định sẵn từ trước, người ta không thể biến đổi được. Người tin vào thuyết định mệnh cho rằng tất cả đều do trời xé đặt, tất cả đều do số mạng định đoạt từ trước. Có nhiều người nghĩ rằng số đã định không vào được đại học thì dù cho cố gắng đến đâu cũng không vào được đại học, số đã định là không nghèo thì dù tiêu pha hoang phí đến đâu cũng không nghèo.

Phật giáo kịch liệt bác bỏ luận điệu đó. Phật giáo khẳng định: hễ có phần nào cố gắng, vất vả thì có thể được hưởng phần nào thu hoạch. Các phật tử thường nói: "gắng sức thì không phí công!".

Phật giáo cho rằng tiền đồ của một cá nhân là một con số chưa biết, tiền đồ đó tốt hay xấu đều do việc làm hiện nay của mình quyết định, hay nói một cách khác, tiền đồ của mình nằm ở trong tay mình. Không bao giờ có việc số phận không được vào đại học là không vào được đại học, nếu bản thân chịu cố gắng thì cánh cửa đại học sẽ mở toang trước mặt anh. Cũng không có việc số phận đã giàu mà ăn tiêu hoang phí, lãng phí cũng vẫn cứ giàu, thế nào cũng có ngày rơi vào cảnh bần cùng. Vì vậy người theo đạo Phật không tin vào thuyết "định mệnh".

Xin nói đến "*báo ứng nhân quả*" của Phật giáo. Chúng ta nghe nói "*trồng dưa được dưa*", nhưng nói tới "*nhân quả của Phật giáo*" thì phải nói tường tận hơn là "*quả báo nhân duyên*". Điều đó nghĩa là giữa "nhân và quả" Phật giáo còn hết sức chú trọng đến chữ "duyên". Thế nào là "duyên"? Duyên có tác dụng như thế nào? Tỉ dụ, trồng hạt dưa dưới đất (nhân), nếu không có ánh sáng mặt trời, nước, phân bón và công người chăm sóc vất vả thì sẽ ảnh hưởng đến hạt dưa nảy mầm và khai hoa kết quả.

Do vậy giả thử có người tuy kiếp trước tạo ra

nhân thiện nhưng đời này không tiếp tục tu trì, làm điều thiện thì có thể ảnh hưởng đến việc tăng trưởng quả thiện của mình và cũng có thể không đạt được quả tốt (song cái nhân thiện của mình vẫn không bị xóa bỏ).

Không tử nói: *"Mạ lên không tốt là do người. Tốt mà lúa không chắc hạt là do người"*. Nghĩa là cây mạ khai hoa, kết quả đều do việc chăm sóc, vun trồng sau này quyết định. Cũng vậy lý lẽ đó, nếu có người kiếp trước làm điều ác, nếu đời này ăn năn hối lỗi, không làm điều ác nữa mà làm việc thiện thì *"có thể"* anh ta không phải chịu quả ác."

Có người hoài nghi điều này hỏi vặn lại "Anh ta vẫn có *"khả năng"* chịu quả ác mà?".

Xin nêu một ví dụ để giải thích: Một người uống phải thuốc độc đến bệnh viện để điều trị. Đối với anh ta có thể có một kết cục: một là thoát chết, hai là bị chết. Tại sao người này uống phải thuốc độc? (đó là do nhân ác do anh ta làm điều ác). Đưa đến bệnh viện điều trị (do anh ta làm điều thiện) nhưng tại sao anh ta *"có thể"* chết?

Giải đáp vấn đề này không thể giải thích qua loa mà hiểu được. Cần phải đề cập đến 3 điều sau đây:

1. Anh ta bị trúng độc có nặng không (làm nhiều hay ít điều ác, anh phạm tội ác nặng hay nhẹ)?

2. Anh ta được đưa đến bệnh viện nhanh hay

chậm? (ăn năn, hối lỗi nhanh hay muộn?)

3. Phương pháp điều trị có tốt hay không? (làm nhiều hay ít điều thiện, mối quan hệ giữa điều thiện và nhân ác đã-tạo nên trước kia).

Ba điều này đều có thể quyết định vấn đề người bị trúng độc có chịu quả ác hay không?

Xin chờ có hiểu lầm, nêu lên ví dụ này là điều bất đắc dĩ, mục đích là để mọi người hiểu được ý nghĩa đúng đắn của nhân quả mà thôi. Ví dụ này không phải là sự thực mà chỉ muốn nói lên hiện tượng tương tự giống nhau thôi.

Cũng tương tự như mở máy ti-vi ra, trong đó chẳng chịt bao nhiêu dây rợ, ngoài nhân viên kỹ thuật chuyên môn ra, ai mà biết được những gì ở trong đó? Ai mà biết được máy móc ra sao? Do vậy ví dụ đưa ra trên đây không thể bao hàm được mọi quan hệ nhân quả. Cũng như thác nước lớn từ trên cao đổ xuống (Phật giáo gọi là dòng nước nhân quả liên tục), làm thế nào có thể từ trong đó tách ra một đoạn nước thác để quan sát, để thuyết minh?

Dưới đây xin nói tới vấn đề "đời trước làm việc ác, đời này tuy cố gắng làm việc lành nhưng vẫn có thể chịu báo ứng quả xấu". Phật giáo đối với vấn đề này có thái độ như thế nào? Thái độ của Phật giáo là"

1. Phải tiếp tục làm điều thiện tích cực hơn nữa bởi vì những điều thiện đó sau này vẫn có thể gạt

hái được những thu hoạch tốt, tuyệt đối không được nản lòng.

2. Đối với "quả ác" (Phật giáo gọi là định nghiệp) không có thể thay đổi được thì Phật giáo an ủi con người phải dùng cảm tiếp nhận. Vì người quân tử dám làm, dám chịu, đã làm điều sai, phạm pháp thì phải nhận nhục chịu đựng hình phạt, nếu oán trời, trách người hoặc rắp tâm bỏ trốn là biểu hiện của kẻ hèn (điểm này được người ta sai lầm cho rằng đó là do trời sắp đặt; quan điểm này là hết sức sai lầm).

3. Từ trong việc báo ứng đau khổ này, cần phải thiết thực phản tỉnh, phải hết sức cẩn thận, cảnh giác. Phải hiểu rằng báo ứng nhân quả là hoàn toàn chính xác, không hề sai, phải thấy rằng "chớ cho là việc thiện nhỏ mà không làm, việc ác nhỏ thì làm (Phật giáo cho rằng "chớ làm điều ác mà làm điều lành).

Như vậy, nhân sinh quan Phật giáo là tích cực, tiến bộ, phải dũng cảm nhận sai những điều mình làm không đúng và phải an tâm tiếp nhận để tôi luyện tính cách của mình. Đồng thời vì sự an lạc và hạnh phúc sau này, phải cố gắng, phấn đấu, tuyệt đối không được tiêu cực, chán nản, tự hủy diệt mình.

Cuối cùng là vấn đề: Tại sao có người đời này làm điều thiện nhưng vẫn nghèo, khổ hoặc luôn

gặp những điều bất hạnh? Còn những kẻ xấu cả đời làm ác mà vẫn ung dung tự tại lại phú quý, tuổi thọ cao?

Theo Phật giáo thì "làm lành được lành, làm ác bị ác báo, nếu không chịu quả báo là do thời gian chưa đến mà thôi". Câu đó chứng tỏ: "Nếu không chịu quả báo là chỉ vì thời gian chưa đến!".

Làm lành mà chịu ác báo, làm ác lại được quả lành, điều đó không phải là việc nhân quả báo ứng không chính xác mà là vì người làm lành trước đây làm việc ác đến đời này phải chịu quả ác trước đã còn điều lành đã làm thì trong tương lai sẽ được hưởng quả báo lành. Cũng với đạo lý đó, làm ác mà được hưởng quả lành cũng như vậy.

Phật giáo lại cho rằng việc báo ứng nhân quả có khi đời này làm thì đời này có báo ứng, có khi phải đến đời sau hoặc sau nhiều đời mới có báo ứng! Tại sao vậy?

Xin nói rõ với những tỉ dụ sau:

1. Đời này làm đời này báo ứng như trồng cà chua 1 tháng sau là có quả.

2. Đời này làm phải qua mấy đời sau mới báo ứng như trồng táo, nho phải qua mấy năm liền mới có quả.

Người xưa nói: Thiện ác cuối cùng sẽ có báo ứng, đạo trời vốn là luân hồi, không tin thì ngáng đầu

lên xem, trời xanh đâu có buông tha ai?

Xin nhớ câu "Lưới pháp (pháp luật) tuy thưa nhưng không để sót". Tất cả việc ác chớ có cho rằng nó nhỏ bé như hạt vừng mà làm. Bởi vì một tế bào ung thư tuy nhỏ nhưng có khả năng làm mất mạng quý báu của anh, đem lại bao nhiêu đau khổ cho anh.

8/ Phật giáo không sùng bái thần tượng

Điều mà ngoại đạo công kích đạo Phật dữ dội nhất là "sùng bái thần tượng". Phải hoàn toàn phủ định điều đó mà công khai nói thẳng ra rằng: "trên thế giới, không có tôn giáo nào lại không sùng bái thần tượng như đạo Phật".

Trong sách này đã nhiều lần nhấn mạnh: Phật giáo chủ trương "4 đại là không", "sắc là không, không là sắc", vạn vật vạn sự trong vũ trụ là do nhân duyên tạm thời tập hợp lại mà thành. Không có một bản thể nào thực tại bất biến, tỉ dụ như băng là do nước ngưng đọng lại, nước là do hy-đrô-rô và ô-xy hợp thành mà nguyên tố ô-xy, hy-đrô-rô lại do hạt nhân nguyên tử và điện tử hợp thành nên. Nào đâu có một thực thể bất biến?

Do vậy, Phật giáo chủ trương "phá tướng", tức là đả phá quan niệm do không biết chân lý nên cho rằng những sự vật sinh ra do nhân duyên là mãi mãi không thay đổi! Như vậy thần tượng phải

chẳng là "cái tượng" mà Phật giáo phải đả phá? Cần phải kháng định hoàn toàn điều đó. Bởi vì ngẫu tượng chỉ là làm bằng gỗ, đá, đất sét, rồi được thếp vàng ở ngoài và cũng là một hợp thể giả của nhân duyên, và tất nhiên bản thể là "không". Ngẫu tượng là do nhân duyên sinh ra nên Phật giáo không thừa nhận nó tồn tại mãi mãi, không thay đổi nên phá cái "tượng" của nó, phá bỏ quan niệm ngẫu tượng. Có người lại hỏi vặn: "Ngẫu tượng là giả hợp tạm thời của nhân duyên, thế tại sao trong chùa có nhiều tượng Phật như vậy?".

Để giải đáp vấn đề này, một mặt phải đề cập đến triết lý cao siêu của Phật giáo, mặt khác cũng không thể phủ nhận tác dụng của việc Phật giáo lấy phương tiện làm pháp môn, cứu độ chúng sinh.

1. Về mặt triết lý: Phật giáo cho rằng tượng Phật là do các vật liệu gỗ, đá, đất sét (nhân) và công sức của con người (duyên) tạo nên, tháo gỡ nó ra là không, không có một chủ thể bất biến, nên bản thể là "không". Nếu người nặn tượng nặn ra tượng Quan Âm thì thành Quan Âm, nặn tượng A di đà thì thành tượng A di đà, nặn tượng Đức Chúa Trời thì thành tượng Chúa Trời. Xem xét từ điểm này, ta gọi nó là tượng Phật, hình thù của nó, cách xưng hô nó đều là giả. Một tượng Phật trên đài hoa sen, có thể gọi là Phật A di đà, cũng có thể gọi là Phật Thích Ca, cũng có thể gọi là Phật Ca Diếp, Phật Nhật Nguyệt đấng, điều đó có gì là không

được kia chứ? (như cái chén, chén đựng trà gọi là chén trà, chén đựng rượu gọi là chén rượu).

Sự phân tích đối với sự vật nói trên trong Phật giáo trước gọi là "*không quán*" sau gọi là "*giả quán*". Tuy rằng bản thể của tượng Phật là hình thù, xung hô đều là giả nhưng điều đó không phải chứng tỏ Phật giáo phủ định sự tồn tại của tượng Phật. Sau khi đã dạy "*không quán*", "*giả quán*", Phật giáo còn yêu cầu chúng ta phải dùng "*trung quán*" để nhận thức giá trị và tác dụng của tượng Phật. Như vậy tượng Phật có thể khiến con người nảy sinh cái "tâm" nhìn người-hiền thì tâm tư trong sáng, khiến người nảy sinh tư tưởng ngưỡng mộ phật pháp nhiệm mầu.

2. Về mặt phương tiện giúp đỡ chúng sinh: Con người trên đời này nếu có đầy đủ trí tuệ để hiểu rằng "tượng Phật chỉ là để người ta ngưỡng mộ phật pháp nhiệm mầu thể thì không cần đến tượng Phật nữa. Bởi vì lúc bấy giờ, Phật ở trong tâm mỗi người, trong cơn gió mát, trong ánh trăng trong, trong từng giọt nước, trong mỗi viên đá, từng ngọn cỏ, thậm chí ở mỗi áng mây ở buổi chiều tà, nhìn vật nào, việc nào cũng có tượng Phật.

Nhưng người ở trên đời đâu phải ai ai cũng là bậc thánh hiền, đại trí. Họ đâu có hiểu được tư tưởng viên dung, vĩ đại của Phật giáo. Điều mà họ không nhìn thấy được, không sờ mó được thì họ không chịu tin, họ không khởi được cái tâm

ngưỡng mộ phật pháp nhiệm mầu! Nếu không tin thì anh chỉ một hòn đá rồi bảo một bà cụ già đó là tượng Phật rồi bảo cụ quý lạy thì dứt khoát bà cụ thà chết chứ không chịu quỳ lạy!

Trong đông đảo số chúng sinh, có được mấy người hiểu được triết lý cao thâm:

"Bồ đề không phải cây,

Gương sáng chẳng phải đài?"

Do vậy Phật giáo không phải là thờ ngẫu tượng, người thông minh thì hiểu rõ điều đó. Để cứu độ quảng đại chúng sinh, Phật giáo không thể chỉ dựa vào phật pháp cao thâm vĩ đại để giác ngộ những người thông minh, trí tuệ. Đối với chúng sinh căn cơ hạn hẹp, mê muội thì không thể không dùng đạo lý thiên cận, thế tục làm chiếc cầu dẫn dắt, nếu không thì không thể gọi Phật giáo là bình đẳng, trọn vẹn mà vĩ đại. Do vậy ý nghĩa của việc sùng bái ngẫu tượng là ở chỗ chân lý mà ngẫu tượng tượng trưng chứ không phải ở bản thân của ngẫu tượng.

Thử hỏi trên thế giới này có quốc gia nào lại không trương quốc kỳ nước mình lên để khơi dậy tinh thần yêu nước của nhân dân?, không treo ảnh của các vị khai quốc công thần để khơi dậy lòng ngưỡng mộ của nhân dân? lòng sắt son đối với lãnh tụ?

Nếu có người bảo rằng tỏ lòng cung kính đối với

quốc kỳ, tranh tượng của nguyên thủ là thờ phụng
ngẫu tượng thì người đó quả thật là không hiểu
biết đạo lý, là hết sức ấu trĩ, nông cạn, thực là
đáng thương!

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ ĐẠO LÝ PHẬT GIÁO ĐƠN GIẢN 1/ MUỖI ĐIỀU LÀNH

Phật giáo cho rằng hành vi của mỗi cá nhân được biểu hiện ở 3 mặt sau đây:

1.- Thân: 3 điều ác mà thân mình tạo ra là sát sinh, trộm cắp, tà dâm.

2.- Miệng: 3 điều ác mà miệng tạo ra là nói dối, nói chia rẽ, làm mất đoàn kết, nói ác, nói lời phù phiếm, vô nghĩa.

3.- Ý: 3 điều ác mà tâm ta tạo nên là tham dục, sân, tà kiến.

Ba nghiệp *thân, khẩu, ý* là 3 loại hành vi mà con người tạo ra.

Làm 10 điều ác thuộc 3 nghiệp gọi là 10 điều ác, nếu không vi phạm thì gọi là 10 điều lành:

1.- *Không sát sinh*: là không làm tổn hại đến các động vật có sinh mạng.

2.- *Không trộm cắp*: là không chiếm làm của mình những vật không thuộc về mình.

3.- *Không tà dâm*: là không hành dâm với người không phải vợ hay chồng mình.

4.- Không nói dối: là không nói bậy, không nguy biện.

5.- Không nói ác: tức là không dùng lời độc ác, tục tĩu chửi mắng người.

6.- Không nói hai lưỡi: là không nói khiêu khích ly gián, không phân biệt đúng sai, phá hoại tình cảm giữa người và người.

7.- Không nói thêu dệt: là không nói những lời dâm ô, phù phiếm, không đúng đắn, vô nghĩa.

8.- Không tham dục: là không lấy những cái không phải của mình, không tham cầu quá mức, phải biết "*thiểu dục tri túc*".

9.- Không nóng giận: tức là giữ tâm mình bình thản, ôn hòa, không nổi nóng, mọi việc làm đều suy nghĩ chín chắn.

10.- Không tà kiến: tức là xử lý mọi việc không mê muội, đều hiểu rõ phải trái, làm gì cũng dùng trí tuệ, lý trí xem xét kỹ càng, không được giải quyết lệch lạc.

Trong 10 điều lành đó thì điều 1 và điều 4 cộng thêm điều không uống rượu nữa là 5 giới.

2/ TỨ ĐẾ (4 sự thật chắc chắn, quý báu nhất)

Tứ đế là cương lĩnh chủ yếu của Phật giáo nguyên thủy, cũng là trung tâm tư tưởng của Phật pháp. Sau khi thành đạo, khi thuyết pháp đầu tiên

ở Lộc Uyển, đạo lý mà đức Phật nói là đạo lý "Tứ đế".

Đế là chân lý, là chân thực, là sự thật, là thực tướng. *Tứ đế* là 4 đạo lý khổ, tập, diệt, đạo.

1.- **Khổ đế** là quả của mê.

2.- **Tập đế** là nhân của mê.

3.- **Diệt đế** là quả của ngộ (giác ngộ).

4.- **Đạo đế** là nhân của ngộ (giác ngộ).

Nói đơn giản là như sau:

Tất cả mọi khổ đau của con người là do mình tạo nghiệp (không rõ phải trái, làm điều xằng bậy) mà ra. Muốn đạt được quả "diệt" khổ đau thì phải tu hành theo "con đường chân chính".

Con người ít nhất có những loại khổ sau đây: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ghét nhau mà phải ở với nhau, thương nhau mà phải xa nhau, mong ước mà không được...

Tóm lại tất cả những yếu tố tinh thần và vật chất cấu thành sự tồn tại của con người đều là những khổ đau.

Phật giáo cho rằng những khổ đau đó không phải là di truyền của những tội phạm đã mắc phải từ trước, không phải là do ai đẩy áp đặt cho chúng ta mà là những quả khổ do bản thân không phân rõ đúng sai, tham luyến mù quáng tạo nên nay

phải gánh chịu.

Làm người ai lại chẳng muốn thoát khỏi, trừ bỏ những đau khổ ấy để đạt tới an lạc chân chính, vĩnh hằng. Nhưng làm thế nào để đạt đến giải thoát? Theo Phật giáo muốn được như vậy thì phải thực hiện *bát chánh đạo* (tức là 8 con đường đạo chân chính hoặc 8 con đường thánh đạo).

1.- Chánh kiến: là hiểu biết đúng đắn.

2.- Chánh tư duy: là suy nghĩ đúng đắn.

3.- Chánh ngữ: là lời nói đúng đắn.

4.- Chánh nghiệp: là hành động đúng đắn.

5.- Chánh mạng: là sinh sống chân chính.

6.- Chánh tinh tiến: là siêng năng đúng đắn.

7.- Chánh niệm: là nghĩ nhớ đúng đắn.

8.- Chánh định: là tập trung tư tưởng chân chính.

Nếu đi theo con đường bát chánh đạo đó thì có thể dần dần thoát khổ mà đạt tới an lạc thực sự.

1/ Chánh kiến là nhận thức đúng đắn sự vật. Nói chung con người nhận xét quan sát sự vật không triệt để, chỉ thấy phần diện hoặc một bộ phận của chân tướng thực sự của sự vật. Cũng như người mù sờ voi, mỗi người chỉ tiếp xúc một bộ phận của con voi mà cho rằng mình đã hiểu rõ được toàn bộ con voi, quả thực là họ chỉ biết được

hời hợt bên ngoài. Do vậy *chánh kiến* yêu cầu phải phân tích sự lý một cách xác thực. Phải hiểu rõ chân tướng một cách thực sự, không được chỉ hiểu biết hời hợt bên ngoài rồi thôi, hơi hiểu được chút ít là tự cho mình là biết rất nhiều rồi, như vậy dễ dàng sinh ra hiểu biết lệch lạc hoặc hiểu biết sai.

Tứ đế giải thích cặn kẽ chân tướng của mọi sự vật vì vậy hiểu được đạo lý của "*Tứ đế*" là có thể gọi là có *chánh kiến* vì điều đó có thể đem lại cho chúng ta giải thoát và an lạc.

"*Chánh kiến*", tiếng Anh dịch là *Right understanding* tức là hiểu một cách chính xác. Cũng có người dịch là *Right knowledge* tức là *tri thức chính xác*.

2/ Chánh tư duy

*Chánh tư duy là dùng lý trí để quyết định mục tiêu mà chúng ta tìm để đạt đến. Nó chính xác hay không chính xác? Nếu không chính xác thì dứt khoát phải bỏ đi. Nếu là chính xác thì phải dùng cảm tiến lên, dù có chết cũng không rời bỏ để đạt tới. Khi quyết định mục tiêu của chúng ta có chính xác hay không thì phải dùng lý trí để suy xét những vấn đề sau đây: Mục tiêu chính xác phải là đạo lý của "*Tứ đế*", hiểu rõ nhân quả của thế gian và xuất thế gian, đoạn được tập đế, thoát khỏi khổ, được an lạc, phải yêu tất cả chúng sinh, hy sinh mình vì mọi người, không dùng bạo lực. Nếu mục*

tiêu mà ta cố gắng đạt đến là con đường thỏa mãn dục vọng cá nhân mà để đạt tới mục đích tự tư tự lợi đó, ta lại làm tổn hại đến người khác, hãm hại người khác thì mục tiêu đó phải bỏ đi.

Chánh tư duy dịch ra tiếng Anh là *Right aim*, là mục tiêu chính đáng, cũng có người dịch là định hướng đúng đắn.

3/ Chánh ngữ:

Chánh ngữ là nói đúng đắn, trung thực

a/ Không nói dối.

b/ Không phao tin đồn nhảm, không nói chia rẽ, làm mất đoàn kết.

c/ Không dùng lời cay độc, thô lỗ để phê bình người.

d/ Không nói lời nói vô nghĩa, vô ích (khi không cần nói thì tốt nhất là im lặng).

Chánh ngữ tiếng Anh dịch là *Right speech*, tức là lời nói phải thận trọng chính đáng.

4/ Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là hành vi hợp với đạo lý, vinh dự, hòa bình.

Ngũ giới của Phật giáo là nhằm giúp con người đạt đến mục tiêu đó (ngũ giới là không sát sinh, không trộm cắp, không nói dối, không tà dâm, không uống rượu).

Chánh nghiệp tiếng Anh dịch là "*Right behavior*", "*Right action*" tức là hành vi đúng đắn.

5/ Chánh mạng

Chánh mạng là sinh sống chân chính, là nghề nghiệp mình không vi phạm đạo đức, pháp luật. Nói cách khác là không được vì tư lợi của mình mà hy sinh hoặc tổn hại đến sự sung sướng và hạnh phúc của nhiều người.

Chánh mạng tiếng Anh dịch là *Right livelihood* là sinh sống chân chính.

6/ Chánh tinh tiến

Chánh tinh tiến là với ý chí kiên định, với cố gắng không mệt mỏi không đạt đến thành công thì không thôi.

Đức Phật lấy con bò làm ví dụ: Con bò mang nặng lún trong hố sâu mà vẫn bước. Nó tuy mệt nhưng vẫn kiên định nhìn về phía trước, không hề chùn bước cho đến khi thoát khỏi hố bùn.

Chánh tinh tiến tiếng Anh dịch là *Right effort* là siêng năng, cố gắng đúng đắn.

Thế nào là cố gắng đúng đắn? Nghĩa là để đạt tới mục đích tu hành phải tiến từng bước một, tiến một cách vững chắc, cũng không được quá nôn nóng, vội vàng vì "*dục tốc bất đạt*". Theo đức Phật thì tiến lên vững chắc hơn là liều mạng tiến quá nhanh. Do vậy thì y theo *chánh tinh tiến*, làm việc

muốn thành công ngoài việc phải cố gắng ra, còn phải cố gắng một cách đúng đắn, không được chây lười, trễ nãi cũng không được quá nóng vội, hấp tấp.

7/ Chánh niệm

Chánh niệm là duy trì sự sáng suốt, tỉnh táo, hiểu rõ một cách xác thực mọi hành vi của mình.

Đức Phật căn dặn chúng ta "Tất cả việc làm của chúng ta đều do tâm mình tạo ra cả" (Câu đầu trong *Kinh Pháp cú*), vì vậy con người phải có tâm niệm chính xác. Muốn có tâm niệm chính xác thì đối với mọi sự việc phải duy trì sự sáng suốt, phải đi sâu quan sát để đạt được nhận thức chính xác. Phật giáo đề ra "*tứ niệm xứ*" làm phương pháp để chúng ta tu hành.

a/ Quán thân bất tịnh: Thân thể chúng ta đầy rẫy phân, nước tiểu, mồ hôi, chất bẩn. Cái đẹp, cái tinh khiết chỉ là lớp da bên ngoài nhưng đó chỉ là tạm thời đến khi già lão hoặc bị bệnh thì hết đẹp. Ba ngày mà không tắm rửa là hết sạch! Do vậy không được đắm mê vào cái đẹp và cái sạch bên ngoài mà phải cố gắng tu dưỡng tâm tính của mình. Chỉ có cái Phật tính của chúng ta mới giúp ta ra khỏi vũng bùn mà không nhơ bẩn (chữ "quán" có nghĩa là quan sát, hiểu rõ).

b/ Quán thọ là khổ: Thọ là cảm giác đối với khổ và lạc. Khoái lạc của thế gian đều là tạm thời. Khổ

và lạc như anh em sinh đôi, như bóng với hình. Một cặp vợ chồng làm lễ kết hôn. Âm nhạc nổi lên, tiếng vỗ tay vang dội, mọi người đến chúc mừng hạnh phúc nhưng nay mai đến ngày ly biệt (tức là yêu nhau mà phải xa nhau là khổ), thân chết đã giăng lưới khắp, họ không sao tránh khỏi! Hơn nữa yêu càng say đắm thì nỗi khổ càng lớn. Lời thề sắt son chung sống suốt đời ngày hôm nay nhưng mai đây biết đâu mỗi người một ngã, có cái gì gọi là vững chắc, lâu bền?

Sự sung sướng, hạnh phúc trên đời là do nhân duyên sinh ra. Cái gọi là sung sướng hạnh phúc gia đình phải xây dựng trên sức khỏe và hợp tác của mỗi phần tử trong gia đình. Nếu có người bất ngờ chết đi hoặc có người kém cỏi bất lực thì gia đình mất chỗ dựa, hạnh phúc coi như tan tác, đau khổ dồn dập kéo đến.

Cái gọi là hạnh phúc, sung sướng khi làm quan cũng không vững chắc, bền lâu. Một ngày nào đó, không làm quan nữa thế là chán chường, đau khổ lại đến. Do vậy chúng ta bất tất phải truy tìm hư danh, vinh dự hão huyền mà phải tu dưỡng phẩm chất đạo đức, làm trong sạch tâm linh, chỉ có niết bàn mới giúp ta giải thoát vượt lên trên khổ vui, mới là hạnh phúc vĩnh hằng (bởi vì khổ và vui là tương đối nên phải vượt lên trên khổ vui).

c/ Quán tâm vô thường: Tâm của ta luôn bị ngoại cảnh chi phối, luôn truy tìm cái đẹp, muốn

nghe âm thanh hay, muốn ăn thức ăn ngon, mê đắm vào những cảm thụ dễ chịu, thoải mái, nên tâm luôn biến đổi, rất khó khống chế. Do vậy mà nói: "Tâm như con ngựa chạy trên đường phẳng, lao rất nhanh rất khó kìm hãm". Tâm có thể mù quáng khiến ta làm điều xằng bậy, có thể đưa đến cho bản thân bao nhiêu điều phiền não, đau khổ, cho nên không thể không thận trọng.

Do vậy con người cần phải "tu tâm", "minh tâm" mới có thể khống chế được tâm, chế ngự được tâm, không được để cho nó dẫn dắt chúng ta làm điều mù quáng, sai khiến chúng ta làm việc xấu. Đó là "*quán tâm vô thường*" (Vô thường có nghĩa là không thể tin cậy, biến đổi xoay chuyển mau lẹ).

d/ Quán pháp vô ngã: Vạn vật, vạn sự trong vũ trụ (tức là pháp) đều tùy theo nhân duyên mà sinh diệt, nhân duyên hợp thì sinh (hydro và ô-xy hợp lại thì thành nước), nhân duyên tan thì diệt (nước có thể điện giải thành hydro và ô-xy). Do vậy bản thân sự vật không có một tự tính tồn tại mãi mãi (tức là không có tính tự chủ, tự tại).

Lấy con người làm ví dụ: con người là do 4 đại hợp lại mà thành (tức 4 nguyên tố đất, nước, lửa, gió). Bốn đại mà không điều hòa nhau thì sinh bệnh, bốn đại mà tách rời ra là chết (như gió bay đi hết thì con người không thở được nữa phải chết. Lửa mà hết thì thân người lạnh băng giá, sao mà sống được?) Làm người ai lại không muốn mắc

bệnh, và cũng không ai không thể chết, con người đối với bản thân mình không có quyền tự chủ, đó là đạo lý của *quán pháp vô ngã*.

Chánh niệm, tiếng Anh dịch là *Right mindfulness* tức là "ý thức chính xác", cũng có người dịch là *Right concentration* là "ý niệm chính đáng".

8/ Chánh định

Chánh định là do thiền định chính đáng mà đạt đến cảnh giới kềm chế tâm tại một nơi, không rối loạn.

Tâm thức của con người thông thường như một máy ảnh không có một tiêu cự được điều chỉnh tốt nên không có một bức ảnh vừa rõ ràng vừa chính xác đối với hiện thực hoặc chân lý. *Chánh định* là để giúp chúng ta điều chỉnh tiêu cự, nhờ vậy chúng ta có thể nhận thức, thể hội một cách rõ ràng thế giới đó.

2500 năm trước đây, THÍCH CA MÂU NI ở dưới gốc cây bồ đề do nhờ chánh định mà giác ngộ. Từ đó trở đi, Người tuy cùng với người thường sống chung trên thế giới này nhưng đã nhập vào một cảnh giới hài hòa, yên tĩnh, bình đẳng, cân đối. Cảnh giới này là không thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được. Ngoài việc con người tự bản thân mình chứng ngộ, thể hội ra, tất cả mọi sự giải thích đều là bằng thừa (như con người có uống

nước lạnh hay nóng mới biết được nước lạnh hay nóng).

Chánh định tiếng Anh dịch là *Right absorption* tức là chuyên chú một cách chính xác hoặc *Right meditation* là *trầm tư chính xác*, khác với khái niệm nhập định, xuất du của các tôn giáo khác.

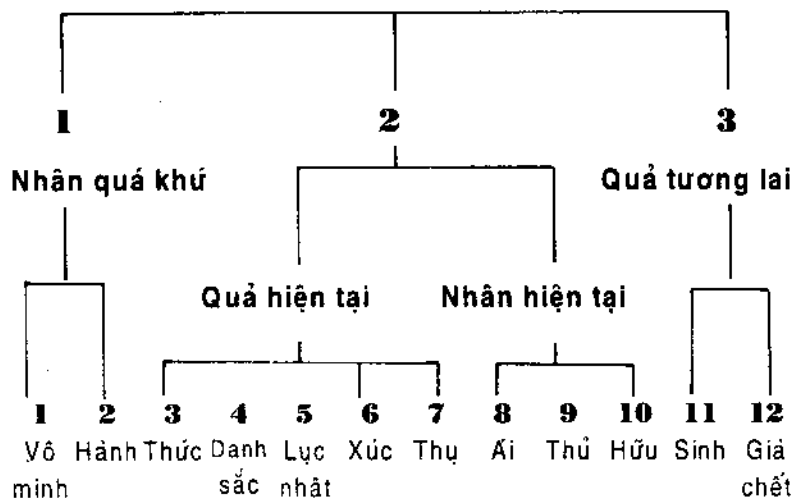
Trên đây là giải thích về đạo lý của Bát chánh đạo. Tất cả mọi người muốn đạt đến hạnh phúc vĩnh hằng thực sự cần phải thực hành theo phương pháp bát chánh đạo mới có hy vọng thành tựu.

3/ 12 NHÂN DUYÊN

12 nhân duyên được dùng để giải thích đạo lý con người tại sao cứ xoay chuyển luân hồi trong biển khổ sinh tử.

12 nhân duyên là:

Xoay chuyển trong 3 đời



12 nhân duyên được giải thích một cách đơn giản là như sau: Một người trong đời trước do ngu xuẩn, không biết, không rõ thiện ác, phải trái (vô minh), nên làm nhiều việc xấu (hành), gây nhân ác việc xấu đời này nên thụ sinh trong bào thai (thức). Trong thai, thân và tâm dần dần phát dục (danh sắc). Đến khi sắp sửa ra khỏi bào thai mẹ thì 6 căn mắt, tai mũi đều đầy đủ (lục nhập). Sau khi ra đời thì tiếp xúc với ngoại giới, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi (xúc). Đến khi lên 6, 7 tuổi thì có thể cảm thụ được sướng và khổ đối với thế giới bên ngoài. Đến khi lên 14, 15 tuổi thì có thể khởi lòng tham (ái) đối với các sự vật đẹp và tốt. Có tâm

tham ái rồi thì muốn cầu cho được, mù quáng cầu được cho kết quả. Rồi tự mình gieo quả ác (hữu) cho đời sau. Sau khi có quả ác rồi lại đầu thai sinh làm người trong kiếp sau (sinh). Có sinh thì lại có hiện tượng già lão rồi chết.

12 nhân duyên là từ vô minh đến già chết, cứ thế mà tuần tự tiến, nhưng nó không phải thẳng tiến mà là theo xoáy tròn ốc.

Sinh mạng của con người là như vậy khởi đầu rồi kết thúc, kết thúc rồi lại khởi đầu, xoay chuyển luân hồi không ngừng.

Cũng giống như - con gà → trứng - gà - trứng → gà → trứng - gà.

Đạo lý 12 nhân duyên kêu gọi cho chúng ta điều gì?

Chúng sinh sở dĩ già yếu và chết là vì có "sinh", có sinh mới có chết. Chúng ta sở dĩ đầu thai làm người là vì trước đây chúng ta *vô tri* (không biết) và *ngu xuẩn*, không rõ phải trái, làm điều xằng bậy. Do vậy đời này chúng ta phải cố gắng tu học, trau dồi định tuệ, phá trừ vô minh, dứt bỏ mọi nhân quả để sau này khỏi phải bị luân hồi, khổ báo.

12 nhân duyên giúp chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của sống chết, nhắc nhở chúng ta nghiên cứu thêm một bước làm thế nào để thoát khỏi sống chết nếu không thì cứ chìm đắm mãi trong cõi sống

chết, không bao giờ chấm dứt được đau khổ.

Về mặt triết học, 12 nhân duyên vốn có hệ thống lý luận của nó là "*vô minh*" "*hành*" siêu hình, mà phát triển thành "*thức*" "*danh sắc*" của nhận thức luận, lại phát triển thành thế giới hiện thực của kinh nghiệm luận (là "*xúc*" đến "*già chết*" sau khi ra khỏi bào thai) nhưng do người ta không biết nhiều về triết học nên không thể trình bày tỉ mỉ về mặt này.

4/ LỤC ĐỘ

Lục độ chữ Phạn là "*ba la mật đa*" tức là "*đến bờ bên kia*". Cũng có nghĩa là "*có thể vượt qua biển khổ sống chết, đến bờ bên sung sướng*". Vì vậy *lục độ* là 6 phương pháp khiến con người có thể vượt qua biển khổ sống chết.

6 phương pháp đó là *bố thí*, *giữ giới*, *nhẫn nhục*, *tinh tiến*, *thiền định*, *trí tuệ*.

1/ Bố thí

Bố thí là đem phúc lợi, ơn huệ ban cho người khác. Kinh *Vô lượng thọ* viết: "*Ban ơn cho huệ*" gọi là bố thí.

Bố thí có 3 loại:

1. Tài thí là cho người khác của cải, đồ vật như đem quần áo thức ăn cứu giúp người nghèo hoặc cho họ những vật dụng cần thiết. Hoặc là bỏ công

sức làm việc cho người khác cũng là bố thí.

2. Pháp thí: Khêu gọi, chỉ bảo cho người ta, hướng dẫn cho họ học tập, lấy đạo lý của Phật pháp nói cho họ nghe, giải thích cho họ hiểu, giúp họ phương pháp làm người xử thế chính xác.

3. Vô úy thí: Chỉ bảo giúp đỡ người khác thoát khỏi nguy hiểm, khó khăn, khiến họ khỏi lo sợ và bất an. Người khác gặp điều bất hạnh thì dùng lời lẽ an ủi họ. Trên đường gặp điều bất bình thì tương trợ. Người khác gặp điều rủi ro đau khổ, thất vọng thì động viên lòng dũng khí của họ khiến họ tin tưởng, phấn chấn.

Nói chung, người bố thí thường có phần chủ động và bị động, cũng có sự đối lập giữa người bố thí và người nhận bố thí. Do vậy thường dễ dàng xảy ra vấn đề do mình là người bố thí nên sinh ra tâm lý trội hơn người. Người theo Phật phải phá bỏ quan niệm này. Kinh Kim Cương nói: "*Không được dựa vào gì cả mà thực hiện bố thí*". Điều đó có nghĩa là không nên mong mỗi người khác báo đáp hoặc vì mục đích khác mà thực hiện bố thí.

Có một câu chuyện như sau: Nước Tề có năm bị nạn đói. Nhiều nhà giàu chuẩn bị cơm rượu thức ăn ngon để bố thí. Có người gặp ai trên đường cũng gọi với lại: "Lại đây mà ăn". Do thái độ không chân thành, giọng nói hờn hĩnh tự phụ nên những người có chí khí lòng tự trọng cao tuy đói là người,

chân đi loạn choạng nhưng thà chết chứ không chịu nhận của bố thí.

Đó là bị kích gây nên bởi không làm được điều mà Phật giáo dạy là "không được dựa vào cái gì cả mà thực hiện bố thí". Do vậy, khi chúng ta bố thí cho người khác thì phải nhớ lời dạy của người xưa "bố thí người phải hết sức thận trọng" "ban ơn chớ mong được báo đáp".

2/ Giữ giới

Giữ giới là tuân thủ giới luật, khiến cho hành vi không vượt qua phạm vi, quy tắc.

Phàm làm người là không phải thánh hiền nên thường có nhiều khuyết điểm. Ngoài ra, hoàn cảnh bên ngoài có nhiều sức hấp dẫn rất dễ khiến cho con người làm nhiều điều xấu, nhỏ thì cá nhân bị thất bại, danh vọng bị chôn vùi, lớn thì gây thiệt hại đến nhân dân quần chúng. Do vậy Phật giáo đề ra nhiều giới luật, giúp mọi người kềm chế dục vọng riêng tư của mình, tẩy sạch những vết nhơ trên nhân cách con người.

Giới là một cách phòng bệnh tiêu cực nhưng tinh thần của nó lại là tích cực. Lấy giới cấm sát sinh làm ví dụ: bản thân không những không sát sinh mà còn cứu được cả chúng sinh. Thấy người bị giết hại mà không cứu là phạm giới. Do vậy giữ giới có thể duy trì được thuần phong mỹ tục, bảo vệ được luân lý, đạo lý, động viên mọi người làm

điều lành, đạt được lý tưởng "thiên hạ là một nhà".

Có người hiểu lầm cho rằng "Không tin Phật giáo thì hoàn toàn tự do, hễ tin Phật giáo là bị gò bó, trói buộc, cái gì cũng không được làm!" Kỳ thực thì đó là do không chịu suy nghĩ kỹ nên nói ra đó thôi. Phải biết rằng chưa tin Phật giáo mà làm điều xằng bậy thì phải chịu báo ứng nhân quả nên càng không được tự do. Như người không hiểu pháp luật mà phạm pháp phải bị ngồi tù. Tục ngữ có câu "Không biết nên không bị tội" là một sự nhầm lẫn.

Do đó giữ giới là hết sức quan trọng. Làm một công dân tốt phải tuân thủ pháp luật, huống hồ muốn tu hành thành Phật, muốn thoát khỏi biển khổ sống chết?

Giới có nhiều loại: 5 giới, 8 giới, 10 giới, cụ túc giới. Có nhiều tên gọi, điều khoản cũng nhiều không thể kể hết. Trong đó có 5 giới đã nói trong phần trên là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Thông thường một hòa thượng xuất gia phải tuân thủ 250 giới, ni cô tuân thủ 500 giới. Đủ thấy xuất gia không phải là một việc dễ dàng.

3/ Nhẫn nhục

Người khác làm nhục, bêu xấu ta mà ta không oán giận gọi là *nhẫn nhục*.

Nhẫn nhục là điều hết sức quan trọng đối với sự tu dưỡng của một người. Nó có thể biến binh đao thành giao hảo, biến nước mắt thành nụ cười, lại có thể tăng thêm hạnh phúc và trí tuệ.

Nhẫn nhục của Phật giáo là loại nhẫn nhục trong cứng ngoài mềm, không phải là nhu nhược, khiếp sợ càng không phải nhát gan, chịu khuất phục. Sự nhẫn nhục của Phật giáo là nhằm đạt tới lý tưởng hy sinh cái "tiểu ngã" hoàn thành cái "đại ngã", là để hoàn thành chí nguyện phổ độ chúng sinh, là biểu hiện của tinh thần kiên cường bất khuất.

Tại sao người học Phật (tức là người quyết chí học tập THÍCH CA MÂU NI, nguyện tuân theo đạo lý của Người) nhất định phải nhẫn nhục? Bởi vì con đường tu hành là hết sức gian nan, trắc trở, nếu không nhẫn nhục cố gắng thì rất khó quán triệt, giữa đường dễ dàng thoái chí bỏ cuộc. Đồng thời trong khi tu hành, có thể có người cố ý chế giễu, hủy báng anh, trong tương lai khi muốn phổ độ cứu giúp chúng sinh (tức là đem đạo lý Phật giáo giảng cho người khác nghe, khiến người ta do được khêu gọi mà lập chí cầu đạo, cũng có thể có người không hiểu lòng tốt của anh cố ý dèm pha, giễu cợt anh. Anh tuyệt đối không được nổi giận càng không được báo thù. Muốn lòng mình thanh thản thì chỉ có nhẫn nhục, chịu đựng. Nhà Nho cũng có câu: "Cái nhỏ mà không nhẫn nhục được

thì mưu lớn không thành". Điều đó có nghĩa là việc nhỏ mà không nhẫn nại được thì là hỏng cả kế hoạch to lớn, ảnh hưởng đến kế hoạch vĩ đại.

4/ *Tinh tiến*

Tinh tiến có nghĩa là cố gắng tiến lên không trễ nãi, lười biếng.

Chúng ta làm một việc gì, muốn thành công cũng phải có lòng kiên trì, phải cố gắng không ngừng mới có thể đạt đến mục đích.

Như học sinh học ở trường muốn học có kết quả thì nhất định phải luôn luôn cố gắng mới có thể đạt được tri thức và kỹ năng cao. Huống hồ con đường thành Phật vừa xa vời vừa khó khăn, sự nghiệp cứu giúp chúng sinh hết sức nặng nề nếu không cố gắng *tinh tiến* thì không có cách nào hoàn thành được nhiệm vụ hết sức trọng đại này.

5/ *Thiền định*

Thiền định có nghĩa là "*tịnh lự*" tức là như Mạnh tử nói "*tâm bất động*", là "*chuyên tâm nhất chí, tinh thần không tán loạn*".

Tại sao tu hành theo Phật giáo phải lưu ý đến thiền định? Bởi vì một người nếu không thể "*tịnh lự*" chuyên tâm nhất chí, khiến cho tinh thần không tán loạn thì không thể có ý chí kiên quyết và trí tuệ để khắc phục sự lôi kéo, hấp dẫn và phá hoại của hoàn cảnh bên ngoài. Nếu không thì khi

gặp phải khó khăn nguy hiểm, tâm thần sẽ rối loạn, ý chí rã rời, không thể trầm tĩnh mà ứng phó được. Do vậy, thiền định là hết sức quan trọng.

Nếu muốn tập thiền thì nhất định phải tìm minh sư hướng dẫn nếu không mà tu hành một cách mù quáng, tập luyện bừa bãi thì chưa thấy lợi mà trước tiên thấy hại, nên phải hết sức thận trọng. Nếu ngồi yên lặng niệm Phật cầu "*nhất tâm bất loạn*" thì không cần thiết phải có minh sư hướng dẫn.

6/ *Bát nhã* (trí tuệ)

Bát nhã là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch một cách miễn cưỡng là *Bát nhã*.

Bát nhã và *Trí tuệ* có gì khác nhau?

Trí tuệ mà ta thường nói thường dùng để hiểu biết sự lý nhưng không thấu triệt và thường dễ dàng hiểu thành "*thiên kiến*" và "*vọng kiến*" (nghĩa là hiểu sai lệch), còn chữ "*Bát nhã*" là hiểu biết sự lý một cách thấu triệt và không thể phát sinh lệch lạc.

Lấy ánh sáng làm ví dụ. Ánh sáng thông thường ví như là trí tuệ. Gặp phải tường vách là ánh sáng bị cản trở, còn *bát nhã* thì như X quang (tia X) có thể vượt qua những cản trở đó (nói về hiểu rõ sự lý). Tỉ dụ như trí tuệ của loài người không thể hiểu được chân tướng của vũ trụ, nhân sinh nên nảy sinh ra quan niệm thượng đế sinh ra con người và

vạn vật. Đó là do trí tuệ con người bị hạn chế nên nảy sinh "*Sớ tri chương*" (tức là vi tà kiến, vô minh mà có những ý nghĩ, quan điểm sai lệch). Người Trung Quốc chẳng phải đã từng nói "Ông Bàn Cổ khai thiên lập địa đó sao". Người Hồi giáo nói: "Thánh Al-la tạo ra người, lại tạo ra cả trái đất". Tất cả những lời lẽ huyền hoặc đó chứng tỏ trí tuệ của con người không thể giải thích, trình bày một cách cặn kẽ thông suốt được. Còn đức Phật - con người đã giác ngộ do có trí tuệ Bát nhã mà có thể phân tích chân tướng của vũ trụ và nhân sinh một cách chính xác, đúng như sự thực.

Tâm Kinh viết: Chư Phật 3 dôi dựa vào *Bát nhã ba la mật* mà đạt được A nậu đa la tam niệm tam bồ đề. Nghĩa là chư Phật nhờ dựa vào Bát nhã đó mà thấu triệt được chân lý và đạt được phật quả (A nậu đa la tam niệm tam bồ đề là tiếng Phạn (Ấn Độ). Trung Quốc dịch là "*vô thượng chánh đẳng chánh giác*" nghĩa là giác ngộ một cách thấu triệt nhất, chân thực nhất", tức là Phật đạo, Phật quả.

Qua câu kinh trên có thể thấy rõ ràng rằng Phật giáo không phải chỉ dựa vào tín ngưỡng mà tự cứu mình được. Phật giáo không cho rằng tội ác và đau khổ của mình có thể do người khác lãnh chịu cho nên không thể nhờ vào người khác đến cứu, tội ác và đau khổ của con người thì chỉ có mình mới có thể tẩy sạch và giải thoát. Tức là mọi người phải

tự cứu lấy mình, mình không tự cứu lấy mình thì chờ ai đến cứu nữa? Phương pháp tự cứu là phải dựa vào trí tuệ (bát nhã) của mình để suy nghĩ kỹ càng, giải quyết một cách sáng suốt. Trước tiên là hiểu rõ nguyên nhân của đau khổ rồi sau đó truy tìm phương pháp giải thoát (tức là đạo lý 4 chân lý).

Do vậy, Phật giáo chủ trương người người đều phải cố gắng "tu tuệ", cho rằng trí tuệ (bát nhã) là do tu mà được sau khi đã quan sát sự lý, thâm nhập nghiên cứu chứ không phải do mua mà được, không phải do ai mang đến cho mình.

Thiếu trí tuệ (bát nhã) thì không thể giác ngộ, cũng không thể ngộ đạo được.

Trên đây là 6 phương pháp thoát khỏi biển khổ sống chết, cần phải học tập toàn bộ, không được bỏ phương pháp nào.

Nói chung, lục độ có 6 tác dụng sau đây:

1/ Bố thí có thể đối trị lòng tham keo kiệt, bủn xỉn, bồi dưỡng lòng nhân ái.

2/ Giữ giới có thể khiến chúng ta tuân theo quy củ, không làm những việc quá khuôn phép như lời Khổng tử nói: "Khắc kỷ phục lễ".

3/ Nhẫn nhục có thể bồi dưỡng những đức tính tốt đẹp như khiêm nhường, khoan dung, những hạnh tốt mà sách Luận ngữ nói là "Ôn" (ôn hòa),

lượng (tốt đẹp), cung (cung kính), kiệm (cần kiệm, nhường (nhường nhịn).

4/ Tinh tiến có thể ngăn ngừa trễ nãi, lười biếng.

5/ Thiền định có thể làm trong sạch đầu óc, khiến tinh thần tư tưởng được tập trung.

6/ Bất nhā có thể giúp con người thông minh, có tri tuệ, không mù quáng, mê tín, có trí phán đoán sắc bén, chính xác.

Trong sinh hoạt hàng ngày, người ta nên căn cứ vào đạo lý lục độ mà làm.

CHƯƠNG IV:

NHỮNG ĐIỀU LỢI KHI TIN PHẬT GIÁO

Tín ngưỡng một số tôn giáo khác cũng có những điều lợi, nhưng chỉ tin Phật giáo thì được những điều lợi ưu việt sau đây:

1/ PHẬT GIÁO CÓ THỂ GIÚP CON NGƯỜI CÓ MỘT NHÂN SINH QUAN CHÍNH XÁC.

Phật giáo mổ xẻ, phân tích vấn đề vũ trụ, nhân sinh một cách tường tận, căn kẽ mục đích là làm cho con người có nhận thức đúng đắn đối với nhân sinh.

Quan điểm của con người nói chung đối với nhân sinh không ngoài có hai loại là *bì quan* và *lạc quan*.

1. Bì quan: cho rằng đời người ngắn ngủi, sinh mạng là trống không, người sống là để chờ chết do

vậy suốt ngày âu sầu, mặt mày buồn chán, rũ rượi.

2. Lạc quan: Loại người này thực sự không phải là loại người sống những ngày sung sướng. Bởi vì họ sống không có mục đích, ý nghĩa. Quan điểm của họ là sống gấp, là hưởng lạc, để cảm quan và tâm linh của họ đắm say trong những buổi hoan lạc quay cuồng buông thả, náo nhiệt. Ý nghĩa của cuộc đời và mục đích của cuộc sống là gì, họ không quan tâm đến mà họ cũng không có cách nào hiểu được nổi!

Còn nhân sinh quan của Phật giáo nói một cách nghiêm cách là không bi quan cũng không lạc quan, có thể miễn cưỡng gọi là nhân sinh quan "trung gian" (đứng ở giữa).

Thế nào là trung gian? Là nhân sinh quan vừa không rên rĩ, than khóc cho cuộc đời mà cũng không phó mặc cho cuộc đời, đến đâu hay đó!

Nhân sinh quan này dùng nhân quan chính trị quét sạch mọi nghi hoặc, sầu muộn và hiểu sai về cuộc đời, nhận thức một cách chính xác chân tướng của cuộc đời, nắm chắc trong tay định hướng của cuộc đời.

Có người hoài nghi Phật giáo là bi quan vì nó đề xướng "*tất cả là không và vô ngã*", cho rằng cuộc đời người đầy rẫy đau khổ, cho rằng thế giới trước mắt do những nhân duyên tạm thời tụ hợp nhau lại mà thành, không có cái gì là chân thực, vĩnh

hằng.

Thực ra, Phật giáo không "phải là sợ bệnh ngại uống thuốc" căn cứ vào hiện thực mà nói thẳng ra chứ không phải là bi quan. Hãy xem cuộc đời người có phải là đầy rẫy khổ não không. Thế giới này có chân thực hay không? vĩnh hằng không? Ngay cả Khổng tử cũng than rằng "*Cử trời như thế mãi không kể ngày đêm!*"

Phật giáo không phải là tôn giáo không có trách nhiệm. Trước hết Phật giáo muốn chúng ta phải nhận thức rằng đời người là đầy rẫy khổ đau, phiền não sau đó phân tích một bước nữa là những khổ đau, phiền não đó là do người ta không biết, tham dục tạo nên. Vì vậy, mọi người đều có thể tự mình khắc phục những khổ não đó. Sau cùng Phật giáo nêu lên con đường đưa lại hạnh phúc cho đời người, mong rằng mọi người phải kiềm chế dục vọng của mình, phục vụ cho người khác nhiều hơn. Phật giáo tin chắc rằng bản thân muốn sung sướng thì nhất định không được xây dựng sự sung sướng của mình lên trên sự đau khổ của người khác, chỉ có toàn thể chúng sinh được hạnh phúc sung sướng thì cá nhân mới có thể có hạnh phúc sung sướng thực sự!

Phật giáo cho rằng công danh lợi lộc đều như mây bầy gió thoảng, "sống không mang đến được, chết cũng chẳng mang theo được". Do vậy khuyên mọi người chớ có tham luyến thái quá, tham cầu

thái quá, ngược lại khuyên mọi người phải bố thí, tu phúc, tu tuệ, phải thoát khỏi vòng xiềng xích của danh lợi. Của cải nhiều hay ít không thể tiêu biểu cho một cá nhân có đời sống tinh thần dồi dào hay không, chỉ có tu dưỡng đạo đức phẩm chất, làm trong sạch tâm linh mới có thể sống cuộc đời tâm an, lý trí đầy đủ.

2/ PHẬT GIÁO CÓ THỂ KHIẾN CON NGƯỜI TÍCH CỰC PHẤN ĐẤU TIẾN LÊN

Sau khi đã phủ định "mọi cái trong cuộc đời con người", Phật giáo làm cho con người không tham luyến, truy cầu một cách mù quáng. Có như vậy con người mới có thể tích cực phục vụ quần chúng. Sau nữa, Phật giáo lại khẳng định giá trị của cuộc đời người và ý nghĩa của sinh mạng con người.

Phật giáo nói thân thể con người là không, là giả, mục đích là để khuyên con người không được "*đâu đâu cũng vì ta*" mà là "*ta vì mọi người*". Bởi vì "*ta*" đã là "*không*", là "*giả*" thì đeo đuổi công danh, lợi lộc mà làm gì, có tác dụng gì nữa?

Phật giáo lại cho rằng chúng sinh là một thể, cái ngã bé nhỏ sống trong cái "đại ngã", do vậy phải hy sinh cái "ngã nhỏ", hoàn thành "cái ngã lớn", không những không thể tự tư tự lợi, ngược lại còn phải có tinh thần từ bi giúp đỡ mọi người.

Phật giáo phản đối việc vận mạng của mình

nằm trong tay người khác hay của vị thần nào đó, cho rằng mình làm thì mình chịu. Do vậy mọi người phải khắc phục khó khăn, gian khổ, chịu khó phấn đấu. Vì ngày mai nên ngày hôm nay phải ra sức cố gắng, không có cày sâu cuốc bẫm thì làm sao thu hoạch được vụ mùa bội thu?

Phật giáo yêu cầu "*thiểu dục tri túc*", không được trốn tránh trách nhiệm. Phật giáo yêu cầu phải dũng cảm thực hiện đạo nghĩa, không được "tự cho mình là ghê gớm" chỉ lo hoàn thiện bản thân mình. Lời nguyện "thề độ cho vô số chúng sinh" "Ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục" là một minh chứng hùng hồn nhất.

Giới luật của Phật giáo không phải là sự trói buộc cứng nhắc đối với hành vi của con người mà là sự cổ vũ động viên đối với họ. Về mặt tiêu cực nó có thể phòng ngừa tội ác, phạm tội, về mặt tích cực nó có thể cổ vũ động viên cứu người, cứu đời. Lấy việc "không sát sinh" làm ví dụ. Tinh thần và mục đích thực sự của giới này không phải chỉ ngăn ngừa bản thân không giết hại mà còn khuyên mọi người chớ có giết hại. Đối với người lập chí tu đạo bỏ tất thì bản thân sát sinh là phá giới. Hơn nữa, khi thấy người bị sát hại mà không cứu cũng là phạm giới. Các giới luật khác cũng như vậy. Không những bản thân mình không "*trộm cắp*" "*nói bậy*" mà còn phải khuyên người khác không được "*trộm cắp*", "*nói bậy*". Tóm lại, người phật tử

phải luôn thẳng thắn, bụng dạ hiền lành, luôn luôn không mệt mỏi khuyên mọi người cải tà quy chính.

Như vậy thì tâm lý "mọi người chỉ chăm lo quét dọn tuyết trước cửa nhà mình thôi" không còn nữa. Người người đều hăng hái làm việc công, việc nghĩa. Tất cả noi theo con đường lớn mà đi, thiên hạ chí công vô tư! Giữa con người với nhau chan hòa tình thương yêu, công lý và chính nghĩa.

3/ PHẬT GIÁO CÓ THỂ LÀM TRONG SẠCH NHÂN TÂM XÃ HỘI

Hằng ngày giờ tờ báo, thường đọc những tin về các vụ phạm pháp như "giết người, trộm cắp, hiếp dâm, lừa đảo". Một phật tử chân chính không bao giờ đứng trong hàng ngũ những kẻ gây tội ác đó.

Đó là vì người phật tử tại gia ít nhất cũng phải tuân theo 5 giới luật cơ bản dưới đây:

1. Không sát sinh tức không giết hại sinh linh.
2. Không trộm cắp: Không lấy trộm, không chiếm đoạt của cải của người khác.
3. Không tà dâm tức không được hành dâm với người không phải vợ hay chồng mình, chỉ có quan hệ nam nữ đúng đắn.
4. Không nói dối: nói năng phải chân thực, không giả dối, không nói xằng bậy.

5. Không uống rượu: uống rượu làm cho con người mất lý trí, đưa đến vi phạm 4 giới luật kể trên. Do vậy phải tuân thủ nghiêm ngặt. Ngũ giới cũng tương tự như *nhân* (không sát sinh), *ngĩa* (không trộm cắp), *lễ* (không tà dâm), *trí* (không uống rượu), *tín* (không nói dối) mà nhà Nho nêu lên.

Tuân theo 5 giới là điều căn bản để làm người, vi phạm 5 giới là không có chỗ đứng chân trong xã hội, đồng thời cũng không được phép nước dung tha. Còn đối với Phật giáo, muốn làm người thì không thể không tuân thủ 5 giới. Vi phạm 5 giới thì kiếp sau không thể làm thân người mà đọa xuống 3 đường ác là địa ngục, súc sinh, quỷ đói (đó là 3 loại báo ứng của chúng sinh hết sức đau khổ, do vậy gọi là đường ác).

Chúng ta không cần phải xem đời sau thế nào, chỉ cần xem trước mắt là đủ. Làm người mà ai ai cũng không sát sinh thì trong xã hội không có vụ án giết người, ai ai cũng không trộm cắp thì không có ăn trộm, cướp bóc, không tà dâm thì không xảy ra những vụ nam nữ dâm ô đi thưa, phá hoại hạnh phúc luân lý gia đình, không nói dối thì không có vụ lừa bịp, dối trá, không uống rượu thì thân tâm sáng khoái, đầu óc sáng suốt, không vì nhất thời mê muội tự chuốc lấy tai họa (rượu rất có hại cho sức khỏe, y học đã chứng minh rất sớm điều đó).

Như vậy thì xã hội chẳng lẽ không trở thành

một xã hội yên bình, an lạc hay sao? Phật giáo có công dụng làm trong sạch nhân tâm xã hội là như thế đó.

4/ PHẬT GIÁO CÓ THỂ LÀM CHO CON NGƯỜI HUÔNG ĐƯỢC SUNG SƯỚNG THỰC SỰ

Con người muốn được an lạc thực sự đại khái phải thỏa mãn được các yêu cầu sau đây:

1. Tâm thần thanh thản, không phiền não.
2. Đối với những khổ đau trước mắt thì tùy cảnh ngộ mà giải quyết ổn thỏa, không oán trời trách người.
3. Đối với các vấn đề vũ trụ, nhân sinh được giải đáp hợp lý.
4. Đối với tương lai (đời sau) có đáp án thỏa đáng.
5. Tiền đồ, vận mạng, cuộc đời, thành bại, vui khổ của mình không được do tay người khác thao túng.

Phật giáo có thể thỏa mãn được hoàn toàn những yêu cầu đó của nhân loại.

Nguyên nhân nào khiến cho Phật giáo có thể thỏa mãn được những yêu cầu trên?

1. Phật giáo khuyên con người phải biết "*tri túc thường lạc*" phải học thiền định, lạc quan, tiến thủ.

Cứ theo đó mà tiến hành thì tâm thần tự nhiên thanh thân, không sinh phiền não (con người nói chung như trẻ con lên 3 mất cái kẹo thì kêu khóc ầm ĩ, còn phật tử như người lớn hiểu biết không vì thế mà phiền não. Đó là vì quan điểm trí tuệ, cảnh giới khác nhau).

2. Phật giáo cho rằng những việc không vừa ý trước mắt là những kết quả của những nguyên nhân mình làm trước đây, nên phải dùng cảm tiếp nhận, không được vì thế mà phiền não, không được oán trời trách người.

3. Tất cả những kinh điển của Phật giáo không phải là thể hiện quyền uy và sự tài giỏi của đức Phật mà là giải thích một cách hoàn toàn và triệt để vấn đề cơ bản của vũ trụ và nhân sinh, khiến con người được giải đáp một cách hợp lý. Do vậy mà nhà triết học người Anh vừa mới qua đời là Rô-xơ đã nói: *"Trong các tôn giáo ở trên thế giới tôi thích nhất là Phật giáo"*. Ông Tôn Trung Sơn nói: *"Phật học là mẹ của triết học, nghiên cứu Phật giáo có thể bổ khuyết những điều lệch lạc của khoa học"*. Khang Hữu Vi nói: *"Sự uyên bác, tinh vi của Phật học... tuy có triết học của các bậc thánh nhưng không có vấn đề nào là không đề cập đến, nội dung của nó thâm diệu"*. Chương Thái Viên nói: *"Lý luận của Phật giáo khiến cho bậc trí trên thế giới không thể không tin!"*. Lương Khải Siêu nói: *"Tín ngưỡng Phật giáo là trí tín chứ không phải là mê"*

tín!"

4. Kinh Phật viết: "Phật xuất hiện trên thế gian vì một nhân duyên lớn". Nhân duyên lớn đó (tức là mục đích của Phật đến thế gian này) là gì? Đó là để chuyển mê thành ngộ, giải thoát mọi khổ đau để con người vĩnh viễn hưởng tự do và sung sướng.

5. Phật giáo cho rằng con người là kẻ "đầu đòi trời, chân đạp đất!" Trên con người, không có vị thần nào có thể thao túng sống chết, thành bại, họa phúc của chúng ta, người la chủ nhân của mình, là chúa tể của mình, chủ có mình nỗ lực, phấn đấu thì nhất định có ngày mai huy hoàng, tươi sáng. Do vậy, tín Phật giáo có thể làm cho con người được hưởng sung sướng thực sự.

5/ ĐỨC PHẬT LÀ NGƯỜI THẦY TỪ BI NHẤT CỦA LOÀI NGƯỜI

THÍCH CA MÂU NI giảng sinh xuống thế gian, làm thái tử, vứt bỏ mọi công danh phú quý, lẽ nào Người là một người ngu ngốc sao? Không phải! Người là một người thực sự có một tâm từ bi và trí tuệ rộng lớn. Người "lo trước cái lo của thiên hạ" vì 4 cái khổ của loài người "sinh, lão, bệnh, tử" không được giải thoát mà ăn không ngon, ngủ không yên nên xuất gia cầu đạo. Người vì "vui sau cái vui của thiên hạ" mà thuyết pháp trong 49 năm, dãi nắng dầm sương, trải qua vô vàn khó khăn gian khổ để lại biết bao chân lý và bài học quý báu, là ngọn

đèn sáng bất diệt trong bóng tối mịt mù của cuộc đời con người, là con thuyền từ bi không chìm trong biển khổ mênh mông. Có ai như Phật có tâm từ bi như vậy, đưa ra lời thề nguyện "*Ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục?*", không nề hà nhọc nhằn, gian khổ trước khi chúng sinh được giải thoát hết?

Đức Phật không hề nổi giận, xử phạt đệ tử, trong kinh điển Phật tuyệt đối không tìm ra được việc đức Phật do nổi giận mà xử phạt nặng đối với mọi người.

Đức Phật đối với đệ tử luôn luôn hiền hòa, đôn hậu, giáo dục bất cứ loại người nào già, trẻ, giàu, nghèo, sang, hèn, bao gồm tất cả các loại chúng sinh trong vũ trụ.

Thông thường khi giáo hóa chúng sinh, trả lời những thắc mắc của đệ tử, đức Phật thường dùng các phương pháp sau:

1. Có những vấn đề phải giải đáp dứt khoát.
2. Có những vấn đề phải dùng phương pháp phân tích để giải đáp.
3. Có những vấn đề phải dùng cách hỏi vặn lại để giải đáp.
4. Cuối cùng có một loạt vấn đề cần thiết phải gác lại (tức là tạm thời chưa giải đáp vì đối phương không hiểu được đạo lý đó, nếu nói thì càng làm

cho đối phương thêm nghi hoặc, thắc mắc. Như học sinh tiểu học hỏi về vi tích phân, ngay đến toán thông thường cậu ta cũng không hiểu nổi, thấy làm sao mà giải đáp được?)

Phương thức trả lời các vấn đề đó là tùy theo căn cơ, nghĩa là trả lời tùy theo trường hợp.

Đức Phật luôn luôn dạy dỗ đệ tử với tình yêu thương và lòng nhẫn nại, kiên trì. Theo người thì không có người ngu xuẩn đến mức không giáo dục được, không có người hung ác đến mức không thể giác ngộ được.

Suốt cả cuộc đời, đức Phật đã cố gắng hiển trí tuệ và lòng từ bi, nói căn cứ vô vàn đạo lý vĩ đại, dạy dỗ vô vàn chúng sinh nhưng không bao giờ Người tự cho mình là giáo chủ hoặc "chúa tể". Người cho rằng Người đến với cõi người là để làm tròn trách nhiệm thừa kế người đi trước, mở mang khai thị cho kẻ đi sau, phát huy những chân lý mà bao nhiêu các vị Phật trước đây đã phát hiện.

Bản thân Người là Phật. Người tin chắc chắn rằng tất cả mọi chúng sinh trong vũ trụ qua sự cố gắng và rèn luyện bản thân sẽ đạt đến trí tuệ và cảnh giới vĩ đại như Người đã đạt đến.

Phật và chúng sinh đều bình đẳng, mỗi chúng sinh đều thành Phật trong tương lai. Giữa Phật và chúng sinh không phải là quan hệ "chủ và tớ", cũng không phải là mối quan hệ giữa chủ và nô lệ

mà là mối quan hệ tạm thời giữa "thầy và trò". Bởi vì khi mê là chúng sinh, khi đã khai ngộ thì là Phật, là hiểu biết tất cả một cách xác thực. Cũng tựa như căn phòng tối đen như mực trong 10 năm, chỉ cần thắp một ngọn đèn là có thể xua tan bóng tối 10 năm đem lại ánh sáng đầy nhà (Nhà Phật gọi là: "Gian phòng tối 10 năm, một ngọn đèn là chiếu sáng tất cả").

Hỡi các độc giả! Hãy nhanh chóng đốt lên ngọn đèn bất diệt trong tâm các bạn, ánh sáng ở ngay xung quanh các bạn, hạnh phúc ở ngay bên cạnh các bạn!



Những đạo lý này là do đức Phật vĩ đại chỉ bảo cho chúng ta! Người chẳng phải là vị đạo sư hiện từ nhất hay sao?

6/ PHẬT GIÁO CÓ THỂ BỒI DƯỠNG LÒNG TỰ TÔN TỰ TIN VÀ NHÂN CÁCH ĐỘC LẬP TỰ CHỦ

Phật tử bảo mình là người không dựa vào ai cả. Bởi vì từ khi tu hành đến khi đạt chứng quả, Người không có người khác thay thế, tất cả đều dựa vào cố gắng của bản thân mình.

Phật giáo khẳng định mỗi cá nhân là chủ nhân của mình, không phải là nô bộc của người khác, không cần thiết phải ỷ lại vào thần hoặc Phật, chỉ cần cố gắng tu hành thì có thể thành Phật. Như vậy là động viên chúng ta có lòng tự tin và tự

trọng.

Phật giáo cho rằng người người đều có Phật tính: "trên trời dưới trời duy ngã độc tôn", không có ai có thể chế ngự được loài người, có thể nô dịch loài người, họa phúc, thành bại của con người là hoàn toàn do nơi mình. Tu hành, đạt chứng quả, tự mình hoàn thành nhân cách vĩ đại - thành Phật, đó là do sự cố gắng của bản thân con người, chứ không phải là ân huệ của vị thần linh nào, cũng không phải do Phật cứu vớt mà là chúng sinh tự cứu lấy mình.

Phật giáo xác nhận rằng: con người vì "bản thân" mình mà sống, vì "tất cả chúng sinh" mà sống (để làm cho chúng sinh trong vũ trụ được sống hạnh phúc, an lạc). Đồng thời mọi thành quả đạt được là do bản thân mình phấn đấu, cố gắng mà có, vinh quang là thuộc về bản thân mình, nếu thất bại là do mình cố gắng chưa đầy đủ, cần phải cố gắng nhiều hơn nữa, nhìn về phía trước mà tiến lên.

Tư tưởng đó của Phật giáo khiến con người được giải phóng khỏi sự trói buộc của thần quyền, từ đó mà được tự do. Nhắc nhở con người phải có tinh thần phụ trách đối với hành vi của mình, không được đổ tội cho trời hoặc oán ghét người khác.

Con người có quyền quyết định số phận và tiền đồ của mình, người có nhân cách độc lập, tự chủ (không lệ thuộc vào vị thần linh, bị thần thao

túng, khổng chế). Có nhân cách độc lập tự chủ mới có thể nói đến lòng tự tôn và tự tin.

Đó là lời tuyên ngôn vĩ đại của Đức Phật đối với tự do, bình đẳng, bác ái của loài người. Lời tuyên ngôn này sớm hơn 2400 năm so với khẩu hiệu mà đại cách mạng Pháp nêu lên, sớm hơn gần 2000 năm so với chủ nghĩa nhân văn (humanism) xuất hiện ở thời kỳ Phục hưng văn nghệ châu Âu.

MỤC LỤC

Chương I:

NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO	5
1. Phật là người không phải là một vị thần linh	5
2. Phật là thực sự bình đẳng	7
3. Phật không phải sinh ra là đã biết	10
4. Phật giáo không thừa nhận có những người yếu kém không thể giáo hóa được.	11
5. Phật không phải là độc nhất, vô nhị, làm người ai ai cũng có thể thành Phật.	12
6. Phật giáo không thừa nhận có "vị thần linh" tạo ra vạn vật.	13
7. Phật giáo thích nghi với mọi người, mọi nơi.	18
8. Phật pháp nhập vào đời người.	19
9. Phật giáo không bài xích tôn giáo khác.	20
10. Phật giáo là dân chủ và tự do	22

Chương II:

GIẢI QUYẾT MỘT SỐ HIỂU LẦM	25
1. Phật giáo là tin có trí tuệ chứ không phải là mê tín	26
2. Phật giáo là khoa học chứ không phải phản khoa học	28

3. Phật giáo là từ bi, không sát sinh	34
4. Phật giáo là tích cực, lạc quan	37
5. Phật giáo không trốn tránh hiện thực	42
6. Phật giáo không phải chỉ bàn suông về giáo lý huyền diệu	45
7. Phật giáo phủ định thuyết định mệnh	49
8. Phật giáo không sùng bái thần tượng	55

Chương III:

MỘT SỐ ĐẠO LÝ PHẬT GIÁO ĐƠN GIẢN 60

1. 10 điều lành	60
2. Từ để	61
3. 12 nhân duyên	71
4. Lục độ	74

Chương IV:

NHỮNG ĐIỀU LỢI KHI TIN PHẬT GIÁO 84

1. Phật giáo có thể giúp con người có một nhân sinh quan chính xác	84
2. Phật giáo có thể khiến con người tích cực phấn đấu tiến lên	87
3. Phật giáo có thể làm trong sạch nhân tâm xã hội	89
4. Phật giáo có thể làm cho con người hưởng được sung sướng thực sự	91
5. Đạo Phật là người từ bi nhất của loài người	93
6. Phật giáo có thể bồi dưỡng lòng tự tôn, tự tin và nhân cách độc lập, tự chủ	96

MỤC LỤC

Chương I:

NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO	5
1. Phật là người không phải là một vị thần linh	5
2. Phật là thực sự bình đẳng	7
3. Phật không phải sinh ra là đã biết	10
4. Phật giáo không thừa nhận có những người yếu kém không thể giáo hóa được.	11
5. Phật không phải là độc nhất, vô nhị, làm người ai ai cũng có thể thành Phật.	12
6. Phật giáo không thừa nhận có "vị thần linh" tạo ra vạn vật.	13
7. Phật giáo thích nghi với mọi người, mọi nơi.	18
8. Phật pháp nhập vào đời người.	19
9. Phật giáo không bài xích tôn giáo khác.	20
10. Phật giáo là dân chủ và tự do	22

Chương II:

GIẢI QUYẾT MỘT SỐ HIỂU LẦM	25
1. Phật giáo là tin có trí tuệ chứ không phải là mê tín	26
2. Phật giáo là khoa học chứ không phải phản khoa học	28

- **TINH THẦN VÀ NÉT ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO**
 Chịu trách nhiệm xuất bản : *Quang Thống*
 Biên tập : *Nguyễn Hào*
 Sửa bản in : *Chiều Hàm*
 Bìa : *Dỗ Duy Ngọc*
 In 1000 cuốn khổ 13^{cm} x 19^{cm}
 tại Xí nghiệp in Đường sắt, 16 Phạm Ngũ Lão
 TP. Hồ Chí Minh.
 Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 476/XB - 2
 Cục xuất bản ký ngày 16 tháng 3 năm 1996.
 In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 1996.

